

PHÒNG THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học 2017 - 2018

VĂN - TOÁN - ANH			TỔ HỢP KHTN & KHXH			
Mã phòng	Phòng	Số thí sinh	Mã phòng	Phòng	Số thí sinh	Ghi chú
P01	B1.01	30	P01	B1.01	30	T Ự N H I Ê N
P02	B1.02	30	P02	B1.02	30	
P03	B1.03	30	P03	B1.03	30	
P04	B1.04	30	P04	B1.04	30	
P05	B1.05	30	P05	B1.05	30	
P06	B1.06	30	P06	B1.06	30	
P07	B2.06	30	P07	B2.06	30	
P08	B2.05	30	P08	B2.05	30	
P09	B2.04	30	P09	B2.04	30	
P10	B2.03	30	P10	B2.03	30	
P11	B2.02	30	P11	B2.02	30	
P12	B2.01	30	P12	B2.01	30	
P13	B3.01	30	P13	B3.01	30	
P14	B3.02	30	P14	B3.02	30	
P15	B3.03	30	P15	B3.03	30	
P16	B3.04	30	P16	B3.04	30	
P17	B3.05	30	P17	B3.05	30	
P18	B3.06	30	P18	B3.06	8	
P19	A1.03	30	P01	A1.03	30	X Ã H Ộ I
P20	A1.04	30	P02	A1.04	30	
P21	A1.05	30	P03	A1.05	30	
P22	A1.06	30	P04	A1.06	30	
P23	A1.07	30	P05	A1.07	30	
P24	C1.01	22	P06	C1.01	30	
P25			P07	C1.02	14	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12A

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120001	Nguyễn Tấn Thành	11/24/2000	Nam	P01	
2	120017	Huỳnh Nguyễn Thế Ngọc	8/3/2000	Nam	P01	
3	120053	Đỗ Trần Ngọc Hoa	7/7/2000	Nữ	P02	
4	120057	Phạm Nguyễn Thảo Vy	12/23/2000	Nữ	P02	
5	120058	Lê Thị Yến Nhi	7/1/2000	Nữ	P02	
6	120085	Hoàng Phương Ngân	3/8/2000	Nữ	P03	
7	120086	Trương Quốc Dũng	6/17/1999	Nam	P03	
8	120094	Nguyễn Việt Thắng	4/22/2000	Nam	P04	
9	120102	Nguyễn Mỹ Thanh Lịch	6/23/2000	Nữ	P04	
10	120110	Nguyễn Lê Thiên Phúc	7/3/2000	Nam	P04	
11	120128	Trần Tấn Thuận	2/26/2000	Nam	P05	
12	120133	Khru Lê Thảo Nguyên	3/6/2000	Nữ	P05	
13	120155	Đoàn Ngọc Duy	6/29/2000	Nam	P06	
14	120169	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	7/9/2000	Nữ	P06	
15	120182	Nguyễn Thị Phương Trang	5/31/2000	Nữ	P06	
16	120184	Nguyễn Thanh Huyền	5/13/2000	Nữ	P07	
17	120195	Nguyễn Lê Phương Vy	2/11/2000	Nữ	P07	
18	120198	Lê Ngọc Châu	6/3/2000	Nữ	P07	
19	120202	Nguyễn Thị Hoàng Yến	1/31/2000	Nữ	P07	
20	120205	Trần Nguyễn Phương Uyên	3/10/2000	Nam	P07	
21	120209	Nguyễn Thị Ngọc Châu	3/22/2000	Nữ	P07	
22	120224	Lê Thị Trường Giang	10/3/2000	Nữ	P08	
23	120228	Võ Văn Khôi	9/20/2000	Nam	P08	
24	120237	Nguyễn Phương Vy	6/5/2000	Nữ	P08	
25	120241	Nguyễn Hữu Đức Huy	9/15/2000	Nam	P08	
26	120247	Đặng Thị Mỹ Trinh	7/3/2000	Nữ	P09	
27	120252	Phan Thị Mỹ Huyền	7/9/2000	Nữ	P09	
28	120259	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/8/2000	Nữ	P09	
29	120270	Lê Thị Anh Thư	4/16/2000	Nữ	P09	
30	120272	Lưu Thị Kim Huệ	4/19/2000	Nữ	P09	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120293	Phùng Thị Thuỳ Dương	7/21/2000	Nữ	P10	
32	120307	Đàm Tuyết Vân	10/27/2000	Nữ	P11	
33	120311	Nguyễn Thị Cẩm Phí	4/30/2000	Nữ	P11	
34	120314	Nguyễn Hoàng Di Lâm	1/10/2000	Nam	P11	
35	120337	Trần Nguyệt Quế	11/13/2000	Nữ	P12	
36	120356	Nguyễn Đăng Khánh Linh	10/18/2000	Nữ	P12	
37	120360	Phạm Nguyễn Phương Quỳnh	1/15/2000	Nữ	P12	
38	120372	Trần Thị Bảo Ngọc	10/28/2000	Nữ	P13	
39	120379	Đào Thanh Hải	12/28/2000	Nam	P13	
40	120398	Lưu Trần Cơ	11/15/2000	Nữ	P14	
41	120402	Đặng Mỹ Uyên	12/17/2000	Nữ	P14	
42	120415	Trần Thanh Xuân	3/26/2000	Nữ	P14	
43	120425	Đặng Thị Diễm My	10/3/2000	Nữ	P14	
44	120489	Nguyễn Đồng Phước	7/7/2000	Nam	P17	
45	120540	Bùi Lê Phương Anh	12/7/2000	Nữ	P18	
46	120636	Nguyễn Ngọc Giàu	10/2/2000	Nữ	P21	
47	120659	Nguyễn Hồng Trúc Linh	2/26/2000	Nữ	P22	
48	120804	Lương Thị Hồng Thuỷ	10/25/1999	Nữ	P24	
49	120807	Trần Thị Biên Đình	7/17/2000	Nữ	P24	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12B

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120240	Nguyễn Trương Thiên Bảo	5/15/2000	Nam	P08	
2	120296	Nguyễn Trần Phương Quỳnh	6/21/2000	Nữ	P10	
3	120335	Nguyễn Huỳnh Tường Vy	8/16/2000	Nữ	P12	
4	120344	Hà Thị Thanh Giang	8/8/2000	Nữ	P12	
5	120383	Trần Tấn Lộc	8/9/2000	Nam	P13	
6	120389	Đào Xuân Dương	4/1/2000	Nam	P13	
7	120420	Lê Nguyễn Diễm Thanh	1/1/2000	Nữ	P14	
8	120427	Phạm Nam Phương	4/28/2000	Nữ	P15	
9	120431	Phạm Thị Lệ Trinh	3/24/2000	Nữ	P15	
10	120440	Trần Minh Hiếu	12/16/2000	Nam	P15	
11	120464	Huỳnh Quốc Cường	1/3/2000	Nam	P16	
12	120467	Vũ Như Ngọc	1/1/2000	Nữ	P16	
13	120470	Trần Lê Bảo Vy	6/22/2000	Nữ	P16	
14	120476	Lâm Mỹ Quyên	11/13/2000	Nữ	P16	
15	120485	Nguyễn Thị Bích Hợp	2/1/2000	Nữ	P16	
16	120492	Đỗ Thị Sơn Hương	4/15/2000	Nữ	P17	
17	120502	Bùi Tấn Phước	9/12/2000	Nam	P17	
18	120504	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	1/3/2000	Nữ	P17	
19	120511	Phạm Lê Trúc Linh	3/31/2000	Nữ	P17	
20	120516	Phan Võ Thuý Vy	10/14/2000	Nữ	P17	
21	120518	Nguyễn Thái Tường Vy	2/1/2000	Nữ	P18	
22	120537	Nguyễn Như Ý	10/30/2000	Nữ	P18	
23	120541	Bùi Thị Thu Hà	9/16/2000	Nữ	P18	
24	120543	Tô Thị Phương Nhung	11/16/2000	Nữ	P18	
25	120544	Nguyễn Thụy Phương Vy	7/19/2000	Nữ	P18	
26	120553	Nguyễn Phương Nhi	10/26/2000	Nữ	P19	
27	120558	Phạm Thị Vân Tuyền	5/23/2000	Nữ	P19	
28	120560	Trần Thị Vĩnh Tiên	9/23/2000	Nữ	P19	
29	120561	Nguyễn Huỳnh Đan	9/2/2000	Nữ	P19	
30	120563	Trần Lê Phương Uyên	4/16/2000	Nữ	P19	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120564	Ngô Trang Thuý Vy	3/6/2000	Nữ	P19	
32	120565	Lê Hữu Tài	10/27/2000	Nam	P19	
33	120569	Trần Lê Ngọc Hân	1/6/2000	Nữ	P19	
34	120572	Lưu Ngọc Tường Vy	11/16/2000	Nữ	P19	
35	120590	Hứa Thị Tuyết Linh	1/4/2000	Nữ	P20	
36	120599	Lê Thị Hoàng Anh	12/31/2000	Nữ	P20	
37	120605	Diệp Phương Anh	2/4/2000	Nữ	P20	
38	120607	Phan Ngọc Hân	10/24/2000	Nữ	P20	
39	120608	Lê Đoàn Hoàng Châu	3/1/2000	Nữ	P20	
40	120609	Nguyễn Gia Hân	2/28/2000	Nữ	P21	
41	120614	Nguyễn Hồng Ngọc	7/14/2000	Nữ	P21	
42	120650	Phạm Thị Hoàng Châu	7/18/2000	Nữ	P22	
43	120663	Phạm Nguyễn Kim Nga	8/2/2000	Nữ	P22	
44	120670	Trần Thị Tuyết Ngân	7/28/2000	Nữ	P23	
45	120672	Trương Thị Mỹ Loan	1/12/2000	Nữ	P23	
46	120680	Huỳnh Ngọc Minh Châu	12/11/2000	Nữ	P23	
47	120684	Đặng Ngọc Bách	10/3/2000	Nam	P23	
48	120705	Trần Kiều Phương Anh	6/21/2000	Nữ	P24	
49	120707	Lê Hồng Ngọc	4/6/2000	Nữ	P24	
50	120806	Trần Mỹ Linh	12/12/2000	Nữ	P24	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12C

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120032	Phạm Hoàng Phi	10/10/2000	Nam	P02	
2	120074	Võ Mai Thanh Nhân	8/7/2000	Nữ	P03	
3	120075	Nguyễn Thuý Hiền	1/29/2000	Nữ	P03	
4	120084	Phạm Duy Minh	4/2/2000	Nam	P03	
5	120089	Bùi Đình Duy Khang	6/21/2000	Nam	P03	
6	120118	Mai Thị Xuân Trang	11/30/2000	Nữ	P04	
7	120119	Hồ Phúc Nguyên Nhung	10/18/2000	Nữ	P04	
8	120123	Nguyễn Thanh Bình	8/5/2000	Nam	P05	
9	120137	Bùi Trần Yến Quỳnh	2/10/2000	Nữ	P05	
10	120143	Võ Thị Anh Thư	3/29/2000	Nữ	P05	
11	120145	Huỳnh Văn Hiền	7/21/2000	Nam	P05	
12	120157	Trương Đăng Quang	11/15/2000	Nam	P06	
13	120170	Nguyễn Thị Châm	2/24/2000	Nữ	P06	
14	120183	Bùi Thị Tường Vy	1/13/2000	Nữ	P06	
15	120196	Hà Quỳnh Vy	4/15/2000	Nữ	P07	
16	120199	Phan Đăng Bảo Hân	3/21/2000	Nữ	P07	
17	120201	Nguyễn Thanh Thảo My	1/13/2000	Nữ	P07	
18	120203	Nguyễn Thị Hoàng Yến	10/18/2000	Nữ	P07	
19	120206	Nguyễn Thị Thuý Trang	5/30/2000	Nữ	P07	
20	120213	Lê Gia Quốc Thống	10/29/2000	Nam	P07	
21	120218	Vương Việt Nghĩa	5/5/2000	Nam	P08	
22	120219	Đào Thụy Khánh Xuân	10/2/2000	Nữ	P08	
23	120231	Võ Ngọc Như Quỳnh	11/19/2000	Nữ	P08	
24	120235	Đào Lê Tú Anh	2/27/2000	Nữ	P08	
25	120244	Trịnh Nguyễn Hương Kiều	9/7/2000	Nữ	P08	
26	120248	Nguyễn Thị Anh Thư	9/19/2000	Nữ	P09	
27	120254	Lê Quỳnh Anh	3/1/2000	Nữ	P09	
28	120261	Trần Võ Hồng Thảo	6/7/2000	Nữ	P09	
29	120269	Nguyễn Vũ Minh Thành	7/25/2000	Nam	P09	
30	120273	Đinh Thị Phương Linh	6/8/2000	Nữ	P09	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120284	Trần Minh Châu	6/3/2000	Nữ	P10	
32	120297	Nguyễn Lê Phương Trinh	2/29/2000	Nữ	P10	
33	120302	Lưu Như Quỳnh	4/21/2000	Nữ	P10	
34	120308	Trần Phương Linh	1/26/2000	Nam	P11	
35	120309	Huỳnh Ninh Dương	2/27/1999	Nam	P11	
36	120334	Hồ Trần Thanh Thảo	1/8/2000	Nữ	P11	
37	120341	Dương Thị Mỹ Duyên	12/17/2000	Nữ	P12	
38	120346	Đặng Lê Hồng Ngọc	7/4/2000	Nữ	P12	
39	120350	Hồ Thị Quỳnh Như	2/22/2000	Nữ	P12	
40	120358	Đỗ Thụy Minh Hiếu	2/28/2000	Nữ	P12	
41	120373	Lê Ngọc Thanh Tâm	3/31/2000	Nữ	P13	
42	120391	Chế Thị Cẩm Hồng	10/11/2000	Nữ	P13	
43	120395	Hoàng Ngọc Tú Uyên	5/30/2000	Nữ	P13	
44	120400	Cao Thị Phương Thanh	7/7/2000	Nữ	P14	
45	120409	Dương Bích Ngọc	10/26/2000	Nữ	P14	
46	120449	Dương Ngọc Doanh	11/19/2000	Nữ	P15	
47	120677	Lê Mộng Điệp Thủy Tiên	1/25/2000	Nữ	P23	
48	120697	Nguyễn Thị Thảo Viên	5/4/2000	Nữ	P23	
49	120802	Lê Hoàng Long	11/24/2000	Nam	P24	
50	120808	Phan Thị Vũ Loan	5/8/2000	Nữ	P24	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12D

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120029	Đặng Hoàng Long	12/3/2000	Nam	P01	
2	120034	Nguyễn Thị Thuỳ Hương	8/22/2000	Nữ	P02	
3	120078	Nguyễn Thị Minh Thương	10/29/2000	Nữ	P03	
4	120095	Phạm Thị Thuỳ Lan	11/25/2000	Nữ	P04	
5	120126	Bùi Văn Luật	6/20/2000	Nam	P05	
6	120159	Nguyễn Nhật Vy	10/28/2000	Nữ	P06	
7	120172	Nguyễn Trần Tú Thảo	1/3/2000	Nữ	P06	
8	120180	Vũ Nguyễn Tâm Anh	3/4/2000	Nữ	P06	
9	120210	Nguyễn Trần Ngọc Bích	8/20/2000	Nữ	P07	
10	120212	Nguyễn Đoàn Thảo Ngân	10/14/2000	Nữ	P07	
11	120217	Hồ Thanh Trúc	8/3/2000	Nữ	P08	
12	120364	Đoàn Yến Nhi	4/26/2000	Nữ	P12	
13	120369	Dương Trung Hậu	9/28/2000	Nam	P13	
14	120370	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	5/12/2000	Nữ	P13	
15	120375	Nguyễn Văn Hiếu	11/19/2000	Nam	P13	
16	120378	Nguyễn Thị Thanh Trang	5/6/2000	Nữ	P13	
17	120382	Nguyễn Hồng Phú	10/30/2000	Nam	P13	
18	120399	Đặng Hồng Ngọc	3/20/2000	Nữ	P14	
19	120403	Quách Tuấn Khang	6/14/2000	Nam	P14	
20	120405	Trần Thị Ánh Thương	3/26/2000	Nữ	P14	
21	120413	Tô Đức Phương	9/7/2000	Nam	P14	
22	120444	Đặng Thị Thuỳ Trang	10/18/2000	Nữ	P15	
23	120447	Nguyễn Tấn Luân	4/7/2000	Nam	P15	
24	120448	Nguyễn Thị Thuỳ Nhiên	10/5/2000	Nữ	P15	
25	120451	Nguyễn Thanh Tuấn	2/17/2000	Nam	P15	
26	120453	Lê Quế Trân	3/2/2000	Nữ	P15	
27	120455	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	6/7/2000	Nữ	P15	
28	120459	Trương Minh Hoàng	6/12/2000	Nam	P16	
29	120465	Lê Nguyễn Quỳnh Giang	4/20/2000	Nữ	P16	
30	120484	Lê Nguyễn Thế Bảo	10/11/2000	Nam	P16	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120488	Trần Thị Lan Nhi	4/28/2000	Nữ	P17	
32	120490	Huỳnh Hoàng Long	3/2/2000	Nam	P17	
33	120491	Lâm Mai Uyên	10/20/2000	Nữ	P17	
34	120495	Nguyễn Thị Thanh Ngân	4/2/2000	Nữ	P17	
35	120496	Nguyễn Thị Thanh Ngân	4/1/2000	Nữ	P17	
36	120497	Nguyễn Đăng Khoa	8/11/2000	Nam	P17	
37	120505	Nguyễn Thị Thu Phương	4/29/2000	Nữ	P17	
38	120506	Nguyễn Quốc Quang Huy	5/10/2000	Nam	P17	
39	120531	Lê Trọng Nhân	10/14/2000	Nam	P18	
40	120545	Phạm Thành Phong	7/15/2000	Nam	P18	
41	120550	Nguyễn Phước Lộc	4/27/2000	Nam	P19	
42	120567	Đào Minh Hoàng	9/24/2000	Nam	P19	
43	120568	Nguyễn Huỳnh My	3/1/2000	Nữ	P19	
44	120570	Lê Thị Kim Yến	12/5/2000	Nữ	P19	
45	120621	Lê Công Trí	10/13/2000	Nam	P21	
46	120667	Nguyễn Thị Kim Nguyên	12/13/2000	Nữ	P22	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12E

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120387	Trần Hữu Thắng	3/19/2000	Nam	P13	
2	120388	Nguyễn Nhật Bảo Huy	12/5/2000	Nam	P13	
3	120390	Trần Ngọc Trân	7/30/2000	Nữ	P13	
4	120394	Nguyễn Trung Hiếu	4/26/2000	Nam	P13	
5	120397	Nguyễn Thanh Ngân	6/9/2000	Nữ	P14	
6	120401	Đặng Thị Thanh Tâm	2/28/2000	Nữ	P14	
7	120404	Nguyễn Thị Quế Anh	4/8/2000	Nữ	P14	
8	120406	Võ Thị Kim Vân	11/2/2000	Nữ	P14	
9	120411	Dương Minh Hải	9/9/2000	Nam	P14	
10	120424	Bùi Hoàng Duy Tân	8/27/2000	Nam	P14	
11	120429	Trần Quang Đức	11/28/1999	Nam	P15	
12	120432	Bùi Nguyễn Hoàng Lan	1/1/2000	Nữ	P15	
13	120434	Nguyễn Trần Anh Thư	6/26/2000	Nữ	P15	
14	120435	Nguyễn Minh Kiệt	11/2/2000	Nam	P15	
15	120437	Lê Thanh Thảo Vy	1/1/2000	Nữ	P15	
16	120438	Mai Phi Phụng	7/27/2000	Nữ	P15	
17	120439	Trần Thị Tuyết	7/16/2000	Nữ	P15	
18	120442	Nguyễn Mạnh Hùng	10/6/2000	Nam	P15	
19	120443	Hồ Thị Trúc Vi	1/5/2000	Nữ	P15	
20	120445	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	9/15/2000	Nữ	P15	
21	120446	Võ Trí Phương	8/13/2000	Nam	P15	
22	120450	Dương Thị Bảo Trang	6/27/2000	Nữ	P15	
23	120454	Phạm Hoàng Phương Hoa	1/1/2000	Nữ	P15	
24	120457	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	2/25/2000	Nữ	P15	
25	120460	Vũ Quang Vinh	11/17/2000	Nam	P16	
26	120461	Nguyễn Thanh Vũ	8/4/2000	Nam	P16	
27	120469	Lê Vi Ký	9/19/2000	Nam	P16	
28	120471	Phạm Nguyễn Thái Hà	8/1/2000	Nữ	P16	
29	120472	Tạ Đình Khánh Duy	6/2/2000	Nam	P16	
30	120473	Nguyễn Anh Nhật	10/14/2000	Nam	P16	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120474	Tạ Phương Ngọc	2/18/2000	Nữ	P16	
32	120478	Hồ Ngọc Phương Dung	9/26/2000	Nữ	P16	
33	120479	Nguyễn Hữu Lợi	10/27/2000	Nam	P16	
34	120481	Đỗ Thị Kim Tiền	8/7/1999	Nữ	P16	
35	120483	Lê Anh Đức	1/2/2000	Nam	P16	
36	120493	Huỳnh Thanh Duy	1/26/2000	Nam	P17	
37	120494	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	2/21/2000	Nữ	P17	
38	120498	Nguyễn Phúc Bảo Long	1/1/2000	Nam	P17	
39	120501	Trương Tấn Sang	3/19/2000	Nam	P17	
40	120507	Võ Trương Hoàng Quyên	7/8/2000	Nữ	P17	
41	120508	Nguyễn Thị Phương Hoa	5/20/2000	Nữ	P17	
42	120510	Lê Thanh Tâm	4/4/2000	Nam	P17	
43	120517	Lê Minh Cường	2/15/2000	Nam	P17	
44	120519	Huỳnh Thị Ngọc Mỹ	7/14/2000	Nữ	P18	
45	120579	Mai Bá Hậu	11/19/2000	Nam	P20	
46	120628	Tổng Lê Thanh Nhân	1/5/2000	Nữ	P21	
47	120638	Tô Thị Mỹ Huyền	1/1/2000	Nữ	P21	
48	120699	Lê Thị Mỹ Duyên	4/1/2000	Nữ	P23	
49	120805	Nguyễn Thanh Tấn	1/6/2000	Nam	P24	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12F

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120002	Huỳnh Quốc Danh	4/15/2000	Nam	P01	
2	120007	Phan Lê Hoàng Hải	10/2/2000	Nam	P01	
3	120022	Trương Trọng Nhân	4/30/2000	Nam	P01	
4	120031	Cao Thị Thêu	9/21/2000	Nữ	P01	
5	120036	Bùi Ngọc Lập	7/29/2000	Nam	P02	
6	120040	Võ Quang Nhựt	4/23/2000	Nam	P02	
7	120046	Hoàng Quốc Dũng	9/28/2000	Nam	P02	
8	120050	Đỗ Trung Đức	9/24/2000	Nam	P02	
9	120059	Nguyễn Hoàng Tiến Anh	2/21/2000	Nam	P02	
10	120067	Trần Chiến Trường	8/19/2000	Nam	P03	
11	120070	Nguyễn Hoàng Phước Toàn	4/30/2000	Nam	P03	
12	120081	Nguyễn An Khang	11/20/1999	Nam	P03	
13	120087	Nguyễn Hải Hà Thanh	10/20/2000	Nữ	P03	
14	120092	Trần Quốc Khánh	10/9/2000	Nam	P04	
15	120097	Đoàn Bá Thiên Lộc	6/7/2000	Nam	P04	
16	120109	Nguyễn Dương Hoàng Tâm	9/5/2000	Nam	P04	
17	120114	Phạm Hoàng Đức	12/4/2000	Nam	P04	
18	120121	Cao Thành Đạt	12/5/2000	Nam	P04	
19	120129	Ngô Hải Long	9/1/2000	Nam	P05	
20	120134	Lê Tuấn Anh	11/6/2000	Nam	P05	
21	120140	Tô Ngọc Phương Vy	8/24/2000	Nữ	P05	
22	120141	Lương Hoàng Vũ	1/18/2000	Nam	P05	
23	120161	Nguyễn Thị Tường Vy	4/18/2000	Nữ	P06	
24	120163	Võ Tấn Lợi	4/6/2000	Nam	P06	
25	120174	Nguyễn Hồng Anh Thư	3/29/2000	Nữ	P06	
26	120190	Đặng Quỳnh Như	7/17/2000	Nữ	P07	
27	120197	Trần Thị Thiên Trúc	4/2/2000	Nữ	P07	
28	120200	Chu Văn Minh	11/21/2000	Nam	P07	
29	120220	Nguyễn Kiều Công Minh	10/29/2000	Nam	P08	
30	120221	Ngô Nguyễn Hồng Như	8/16/2000	Nữ	P08	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120236	Phan Quốc Bảo	2/18/2000	Nam	P08	
32	120242	Nguyễn Hữu Hoàng Phúc	8/3/2000	Nam	P08	
33	120246	Nguyễn Võ Ái My	3/3/2000	Nữ	P09	
34	120263	Trần Nguyễn Thành Đạt	11/20/2000	Nam	P09	
35	120281	Đinh Nguyễn Xuân Hoài	11/20/2000	Nữ	P10	
36	120285	Tăng Minh Tiến	4/24/2000	Nam	P10	
37	120290	Nguyễn Dương Phương Như	7/24/2000	Nữ	P10	
38	120315	Nguyễn Phước Đại	3/26/2000	Nam	P11	
39	120316	Phạm Thị Quỳnh Như	8/6/2000	Nữ	P11	
40	120322	Nguyễn Hoàng Thuỳ Trang	7/22/2000	Nữ	P11	
41	120326	Hoàng Thụy Phương Thy	4/3/2000	Nữ	P11	
42	120327	Trần Minh Thuận	11/23/1999	Nam	P11	
43	120347	Trương Huy Thịnh	11/29/2000	Nam	P12	
44	120353	Trần Hồng Nhung	4/28/2000	Nữ	P12	
45	120374	Trần Ngọc Khánh	11/24/2000	Nữ	P13	
46	120384	Trần Hạnh Thi	3/19/2000	Nữ	P13	
47	120412	Nguyễn Lữ Lê Hưng	10/18/2000	Nam	P14	
48	120566	Đặng Gia Thy	10/19/2000	Nữ	P19	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12G

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120283	Ngô Hải Hà	11/15/2000	Nữ	P10	
2	120430	Lê Quốc Vũ	6/24/2000	Nam	P15	
3	120509	Nguyễn Trương Phi	1/10/2000	Nam	P17	
4	120512	Nguyễn Thuý Vy	12/17/2000	Nữ	P17	
5	120514	Lê Quốc Đại	11/1/2000	Nam	P17	
6	120522	Vũ Thiên Long	8/27/2000	Nam	P18	
7	120524	Ngô Ngọc Phương Oanh	7/21/2000	Nữ	P18	
8	120525	Nguyễn Trọng Đạt	8/13/2000	Nam	P18	
9	120526	Nguyễn Quốc Trường Huy	5/25/2000	Nam	P18	
10	120529	Phạm Khánh Linh	3/13/2000	Nữ	P18	
11	120530	Dương Nhật Hào	2/14/2000	Nam	P18	
12	120532	Võ Hoàng Thiên	7/21/2000	Nam	P18	
13	120533	Lê Vinh Kỳ	4/24/2000	Nam	P18	
14	120535	Nguyễn Thị Kim Thảo	3/25/2000	Nữ	P18	
15	120536	Võ Thị Hồng Gấm	5/21/2000	Nữ	P18	
16	120538	Lê Hoàng Thuận	5/16/2000	Nam	P18	
17	120542	Trần Ngọc Thư	8/17/2000	Nữ	P18	
18	120547	Ngô Phúc Thịnh	6/2/2000	Nam	P18	
19	120548	Nguyễn Phúc Thịnh	12/6/2000	Nam	P19	
20	120551	Nguyễn Thành Tiến	10/29/2000	Nam	P19	
21	120552	Vũ Nhật Minh Trường	2/2/2000	Nam	P19	
22	120555	Trần Khánh Trân	6/2/2000	Nữ	P19	
23	120556	Đào Thị Sơn Tuyền	10/28/2000	Nữ	P19	
24	120557	Dương Quốc Gia	8/7/2000	Nam	P19	
25	120571	Vương Bảo Ngọc	9/5/2000	Nam	P19	
26	120573	Phan Thị Kim Diệp	2/8/2000	Nữ	P19	
27	120574	Châu Gia An	10/9/2000	Nam	P19	
28	120575	Vũ Tiến Dũng	9/29/2000	Nam	P19	
29	120576	Phan Nhật Tiến	3/3/2000	Nam	P19	
30	120577	Nguyễn Thị Hồng Mai	6/14/2000	Nữ	P19	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120578	Lê Đức Anh	10/25/2000	Nam	P20	
32	120580	Nguyễn Thị Mỹ Linh	3/5/2000	Nam	P20	
33	120584	Nguyễn Quốc Thống	1/7/2000	Nam	P20	
34	120585	Trần Thị Thuỷ Tiên	9/16/2000	Nữ	P20	
35	120587	Lưu Tấn Nghiệp	3/31/2000	Nam	P20	
36	120588	Nguyễn Thị Duyên	8/12/2000	Nữ	P20	
37	120589	Phạm Huy Thịnh	2/29/2000	Nam	P20	
38	120593	Trịnh Thị Thuỷ Trang	6/17/2000	Nữ	P20	
39	120595	Bùi Hoàng Long	11/9/2000	Nam	P20	
40	120597	Lâm Thu Anh Thư	4/2/2000	Nữ	P20	
41	120602	Lê Thị Mỹ Linh	10/15/2000	Nữ	P20	
42	120604	Nguyễn Bảo Vy	10/29/2000	Nữ	P20	
43	120610	Dương Thuỷ Vy	8/1/2000	Nữ	P21	
44	120611	Nguyễn Như Hồng Quỳnh	1/2/2000	Nữ	P21	
45	120612	Nguyễn Quỳnh Lộc	8/3/2000	Nam	P21	
46	120615	Lê Khánh Hoàng Lâm	12/21/2000	Nam	P21	
47	120616	Nguyễn Huỳnh Phương Trâm	1/1/2000	Nữ	P21	
48	120617	Bùi Thị Hồng Điệp	2/25/2000	Nữ	P21	
49	120619	Nguyễn Châu Tuấn Sang	9/27/2000	Nam	P21	
50	120666	Thạch Ngọc Thuỷ Tiên	11/26/2000	Nữ	P22	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12H

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120003	Vương Quốc Cường	11/20/2000	Nam	P01	
2	120016	Phạm Thị Cẩm Vân	9/27/2000	Nữ	P01	
3	120021	Nguyễn Văn Toàn	9/18/2000	Nam	P01	
4	120024	Huỳnh Thanh Anh Tú	2/13/2000	Nam	P01	
5	120037	Thái Thuận Phát	12/28/2000	Nam	P02	
6	120038	Trần Minh Duy	3/20/2000	Nam	P02	
7	120047	Đỗ Anh Minh	4/30/2000	Nam	P02	
8	120051	Mai Xuân Toàn	9/28/2000	Nam	P02	
9	120062	Võ Ngọc Trọng	9/9/2000	Nam	P03	
10	120068	Nguyễn Văn Tiến	8/12/1999	Nam	P03	
11	120076	Huỳnh Nhật Hào	3/21/2000	Nam	P03	
12	120093	Phạm Hoàng Tuấn	11/4/2000	Nam	P04	
13	120101	Nguyễn Hoàng Khang	10/2/1999	Nam	P04	
14	120105	Võ Kim Ngân	4/30/2000	Nữ	P04	
15	120113	Huỳnh Minh Cường	11/6/2000	Nam	P04	
16	120116	Trần Văn Đức	2/24/2000	Nam	P04	
17	120124	Đỗ Nguyên Bảo	12/20/2000	Nam	P05	
18	120131	Nguyễn Trường Sơn	2/15/2000	Nam	P05	
19	120138	Lê Phước Anh	4/24/2000	Nam	P05	
20	120150	Trần Kỳ Trung	4/3/2000	Nam	P05	
21	120165	Nguyễn Tuấn Thành	4/23/2000	Nam	P06	
22	120168	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	10/23/2000	Nữ	P06	
23	120187	Nguyễn Thị Trang Nhung	2/5/2000	Nữ	P07	
24	120211	Trần Thị Hiếu Hạnh	7/15/2000	Nữ	P07	
25	120215	Phạm Hoàng Long	9/15/2000	Nam	P08	
26	120222	Trần Phương Như	9/19/2000	Nữ	P08	
27	120226	Phan Thế Anh	11/2/2000	Nam	P08	
28	120229	Lê Minh Đức	6/1/2000	Nam	P08	
29	120251	Nguyễn Thị Kim Uyên	6/29/2000	Nữ	P09	
30	120255	Bùi Văn Long	11/14/2000	Nam	P09	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120258	Lê Ngọc Yến Nhi	8/13/2000	Nữ	P09	
32	120271	Hồ Lê Bảo Long	1/27/2000	Nam	P09	
33	120286	Nguyễn Sơn Chiến	7/14/2000	Nam	P10	
34	120287	Trần Thị Nhung	12/15/2000	Nữ	P10	
35	120300	Nguyễn Thuý Tiên	7/6/2000	Nữ	P10	
36	120318	Trần Thanh Tùng	6/4/2000	Nam	P11	
37	120320	Huỳnh Thị Ngọc Như	6/3/2000	Nữ	P11	
38	120324	Nguyễn Thị Ngọc Thi	1/3/1999	Nữ	P11	
39	120342	Nguyễn Trường Vũ	7/24/2000	Nam	P12	
40	120349	Bùi Quang Huy	4/30/2000	Nam	P12	
41	120361	Nguyễn Hữu Huy	6/16/2000	Nam	P12	
42	120377	Đỗ Thị Linh	11/14/1998	Nữ	P13	
43	120386	Phạm Trần Lập Vy	10/7/2000	Nữ	P13	
44	120418	Trần Minh Nhật	1/9/2000	Nam	P14	
45	120559	Lê Hoàng Mỹ Uyên	1/17/2000	Nữ	P19	
46	120689	Lê Nguyễn Phúc Lân	3/5/2000	Nam	P23	
47	120803	Lê Thị Mỹ Hạnh	8/18/1999	Nữ	P24	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12J

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120004	Lê Minh Tuấn Anh	12/26/2000	Nam	P01	
2	120006	Nguyễn Thị Yến Vy	5/8/2000	Nữ	P01	
3	120020	Trần Phi Ngọc Diễm	9/10/2000	Nam	P01	
4	120023	Phạm Thiên Hoa	11/2/2000	Nữ	P01	
5	120035	Dương Nhân Sinh	4/28/2000	Nam	P02	
6	120043	Nguyễn Minh Thắng	1/9/2000	Nam	P02	
7	120049	Võ Đôn Hoàng Phước	3/31/2000	Nam	P02	
8	120054	Lữ Đức Khánh	3/22/2000	Nam	P02	
9	120069	Trần Minh Chiến	11/20/2000	Nam	P03	
10	120077	Đinh Thị Thu Trang	11/9/2000	Nữ	P03	
11	120080	Nguyễn Hải Tấn Phát	7/13/2000	Nam	P03	
12	120096	Nguyễn Đặng Bảo Long	9/8/2000	Nam	P04	
13	120104	Trần Mậu Hào	7/23/2000	Nam	P04	
14	120112	Lê Hoàng Tuyết Ngân	8/21/2000	Nữ	P04	
15	120120	Phạm Lê Quang Tuấn	6/18/2000	Nam	P04	
16	120122	Trần Đặng Mỹ Đạt	10/21/2000	Nữ	P04	
17	120147	Nguyễn Quang Hạ	10/6/2000	Nam	P05	
18	120156	Nguyễn Thị Xuân Đan	2/6/2000	Nữ	P06	
19	120160	Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu	1/19/2000	Nam	P06	
20	120171	Nguyễn Toàn Quốc	9/30/2000	Nam	P06	
21	120173	Trần Ngọc Hải Yến	1/20/2000	Nữ	P06	
22	120188	Trương Thị Minh Nhật	7/24/2000	Nữ	P07	
23	120189	Trần Lê Anh Kha	10/7/2000	Nam	P07	
24	120192	Nguyễn Thị Tuyết Trang	10/7/2000	Nữ	P07	
25	120227	Dương Trí Cường	9/12/2000	Nam	P08	
26	120230	Nguyễn Phương Thảo	6/27/2000	Nữ	P08	
27	120256	Nguyễn Thanh Nguyên	9/23/2000	Nam	P09	
28	120260	Huỳnh Ngọc Tuyết	3/22/2000	Nữ	P09	
29	120262	Nguyễn Khánh Hùng	5/7/2000	Nam	P09	
30	120282	Đặng Gia Huy	11/16/2000	Nam	P10	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120288	Huỳnh Thị Cẩm Hồng	1/1/2000	Nữ	P10	
32	120301	Phạm Xuân Khoa	2/6/2000	Nam	P10	
33	120312	Trần Thị Mộng Trúc	2/27/2000	Nữ	P11	
34	120319	Phạm Thế Đức	5/12/2000	Nam	P11	
35	120321	Ngô Ngọc Kim Ngân	11/30/2000	Nữ	P11	
36	120325	Nguyễn Nữ Anh Thư	7/5/2000	Nữ	P11	
37	120343	Phan Đào Xuân Ngân	12/16/2000	Nữ	P12	
38	120345	Nguyễn Hoàng Nhựt Tân	10/26/2000	Nam	P12	
39	120367	Trương Hoàng Khánh	2/17/2000	Nam	P13	
40	120371	Trần Đức Duy	7/24/2000	Nam	P13	
41	120376	Nguyễn Văn Hiếu	2/23/2000	Nam	P13	
42	120419	Doãn Thị Minh Nguyệt	12/22/2000	Nữ	P14	
43	120594	Nguyễn Ba Tiên	1/1/2000	Nam	P20	
44	120601	Nguyễn Thảo Nguyên	3/11/2000	Nữ	P20	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12K

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120063	Đinh Bảo Hoàng	1/1/2000	Nam	P03	
2	120146	Nguyễn Cao Cường	6/5/2000	Nam	P05	
3	120154	Nguyễn Thị Bảo Trân	9/16/2000	Nữ	P06	
4	120216	Nguyễn Trọng Nghĩa	5/9/2000	Nam	P08	
5	120257	Nguyễn Ngọc Anh Vy	1/16/2000	Nữ	P09	
6	120359	Đặng Trung Tín	1/24/2000	Nam	P12	
7	120428	Cao Hoài Nam	12/5/2000	Nam	P15	
8	120466	Phạm Giang Minh Châu	6/8/2000	Nữ	P16	
9	120475	Phạm Lê Đại Dương	2/15/2000	Nam	P16	
10	120486	Hoàng Ái Như	1/6/2000	Nữ	P16	
11	120515	Phạm Xuân Tùng	1/31/2000	Nam	P17	
12	120520	Trần Trương Thanh Bình	1/25/2000	Nam	P18	
13	120521	Dương Quốc Khang	2/3/2000	Nam	P18	
14	120527	Dương Thị Hồng Linh	9/4/2000	Nữ	P18	
15	120528	Trần Thị Mỹ Trang	9/6/2000	Nữ	P18	
16	120546	Trương Hữu Tài	2/13/2000	Nam	P18	
17	120549	Nguyễn Anh Khoa	9/9/2000	Nam	P19	
18	120591	Lê Ngọc Thảo My	8/27/2000	Nữ	P20	
19	120598	Lê Thị Thuý Hà	4/12/2000	Nữ	P20	
20	120603	Lê Thanh Vy	10/23/2000	Nữ	P20	
21	120618	Chu Nguyễn Thuý Vy	9/2/2000	Nữ	P21	
22	120623	Lê Nhật Thanh	12/5/2000	Nam	P21	
23	120625	Nguyễn Thị Phương Thanh	2/7/2000	Nữ	P21	
24	120626	Nguyễn Văn Trí	11/23/2000	Nam	P21	
25	120630	Vũ Phương Anh	10/1/2000	Nữ	P21	
26	120635	Nguyễn Minh Hằng	2/22/2000	Nữ	P21	
27	120639	Võ Nguyễn Uyên Phương	9/22/2000	Nữ	P22	
28	120642	Hồ Thị Thuý Vân	7/17/2000	Nữ	P22	
29	120643	Phan Thị Mỹ Châu	4/27/2000	Nữ	P22	
30	120646	Lưu Thị Thu Huyền	9/26/2000	Nữ	P22	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120651	Nguyễn Hoàng Châu	10/9/2000	Nữ	P22	
32	120656	Ngô Nguyễn Minh Huyền	8/30/2000	Nữ	P22	
33	120664	Phan Minh Thuận	4/25/2000	Nam	P22	
34	120673	Nguyễn Duy Khanh	9/17/2000	Nam	P23	
35	120675	Nguyễn Ngọc Kim Duyên	11/16/2000	Nữ	P23	
36	120676	Nguyễn Thuỷ Tinh Nguyên	1/19/2000	Nữ	P23	
37	120678	Mai Văn Thắng	1/1/2000	Nam	P23	
38	120679	Trần Thị Minh Thy	11/8/2000	Nữ	P23	
39	120688	Vũ Trần Bảo Khánh	9/1/2000	Nữ	P23	
40	120696	Bùi Trần Thụy Quỳnh Hương	8/8/2000	Nữ	P23	
41	120701	Ngô Thị Tuyết Anh	10/25/2000	Nữ	P24	
42	120704	Lê Vũ Thái Hòa	1/7/2000	Nữ	P24	
43	120708	Phan Lê Thuý Vy	10/25/2000	Nữ	P24	
44	120714	Trần Thị Thanh Liên	5/3/2000	Nữ	P24	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12L

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120042	Phạm Thế Bảo	5/17/2000	Nam	P02	
2	120071	Nguyễn Thanh Thuý	2/12/2000	Nữ	P03	
3	120072	Lê Huỳnh Xuân Tước	8/23/2000	Nữ	P03	
4	120082	Thái Hồng Cúc	3/20/2000	Nữ	P03	
5	120091	Lê Tấn Đạt	10/1/2000	Nam	P03	
6	120117	Nguyễn Huy Hoàng	4/8/2000	Nam	P04	
7	120130	Nguyễn Trí Tín	8/23/2000	Nam	P05	
8	120136	Huỳnh Như Ngọc	7/1/2000	Nữ	P05	
9	120144	Lê Ngọc Mỹ Ngân	4/6/2000	Nữ	P05	
10	120167	Trần Đình Anh Vũ	9/4/2000	Nam	P06	
11	120175	Trần Thị Ngọc Vân	5/10/2000	Nữ	P06	
12	120179	Nguyễn Thị Tường Vi	2/23/2000	Nữ	P06	
13	120181	Nguyễn Hoàng Chí Trâm	11/29/2000	Nữ	P06	
14	120186	Võ Thanh Duy	3/9/2000	Nam	P07	
15	120194	Lê Trương Ngọc Trúc	11/30/2000	Nữ	P07	
16	120207	Tô Thị Minh Tâm	7/18/2000	Nữ	P07	
17	120208	Trần Anh Vũ	6/29/2000	Nam	P07	
18	120232	Lê Thị Thương	10/25/2000	Nữ	P08	
19	120238	Phạm Hoàng Tân	10/4/2000	Nam	P08	
20	120243	Trương Thảo Nguyên	8/27/2000	Nữ	P08	
21	120265	Nguyễn Tâm Như	10/9/2000	Nữ	P09	
22	120267	Đoàn Phúc Hiếu	12/3/2000	Nam	P09	
23	120275	Hồ Nguyễn Minh Tài	7/13/2000	Nam	P10	
24	120276	Lê Bích Ngân	2/2/2000	Nữ	P10	
25	120279	Nguyễn Thị Kim Ngân	1/24/2000	Nữ	P10	
26	120289	Lê Kiều Ngọc Anh	5/7/2000	Nữ	P10	
27	120291	Huỳnh Thanh Thế	2/20/2000	Nam	P10	
28	120298	Tạ Thị Mỹ Linh	10/23/2000	Nữ	P10	
29	120304	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4/27/2000	Nữ	P10	
30	120323	Phạm Thanh Đăng Linh	10/20/2000	Nữ	P11	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120328	Đặng Nguyễn Hoài Thương	8/24/2000	Nữ	P11	
32	120330	Đỗ Thị Ngọc Trâm	3/29/2000	Nữ	P11	
33	120348	Phạm Trần Tuyết Minh	10/4/2000	Nữ	P12	
34	120354	Dương Lê Gia	12/22/1999	Nam	P12	
35	120357	Nguyễn Hồng Hà Uyên	8/28/2000	Nữ	P12	
36	120366	Đặng Trần Hoàng Huy	5/4/2000	Nam	P13	
37	120368	Nguyễn Thị Phương Kiều	8/2/2000	Nữ	P13	
38	120380	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	7/13/2000	Nữ	P13	
39	120385	Kim Hà Phương	12/5/2000	Nữ	P13	
40	120393	Hoàng Thụy Bảo An	2/12/2000	Nữ	P13	
41	120396	Huỳnh Tuấn Khanh	1/29/2000	Nam	P13	
42	120408	Vũ Thiên Phúc	4/12/2000	Nam	P14	
43	120422	Đinh Thị Thuý Nga	12/27/2000	Nữ	P14	
44	120436	Phạm Thị Ngọc Hương	7/16/2000	Nữ	P15	
45	120480	Phan Hồng Anh	8/26/2000	Nữ	P16	
46	120500	Nguyễn Thị Trúc Phương	8/5/2000	Nữ	P17	
47	120652	Nguyễn Ngọc Trang Khanh	2/16/2000	Nữ	P22	
48	120692	Trương Quang Vinh	1/4/2000	Nam	P23	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12M

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120019	Trần Văn Trọng Phúc	1/17/2000	Nam	P01	
2	120027	Bùi Thị Bích Vân	3/17/2000	Nữ	P01	
3	120033	Cao Hoàng Anh Tú	10/7/2000	Nam	P02	
4	120044	Võ Ngọc Thuận	2/15/2000	Nam	P02	
5	120055	Hồ Thị Hoàng Yến	4/19/2000	Nữ	P02	
6	120056	Phạm Minh Quân	2/4/2000	Nam	P02	
7	120060	Trương Chí Bửu	6/12/2000	Nam	P02	
8	120090	Thạch Thị Bảo Châu	6/7/2000	Nữ	P03	
9	120111	Nguyễn Quốc Hào	1/20/2000	Nam	P04	
10	120125	Ngô Khắc Hoàng Long	2/21/2000	Nam	P05	
11	120135	Hoàng Thị Diệu Linh	9/8/2000	Nữ	P05	
12	120139	Dương Minh Hoàng Tú	10/11/2000	Nam	P05	
13	120164	Dương Hoàng Minh Hiếu	2/9/2000	Nam	P06	
14	120176	Phạm Phước Thịnh	2/27/2000	Nam	P06	
15	120178	Phạm Thị Ngọc Mai	3/10/2000	Nữ	P06	
16	120239	Nguyễn Quý Nghĩa	11/7/2000	Nam	P08	
17	120249	Lê Phan Quế Khanh	9/5/2000	Nữ	P09	
18	120264	Võ Trần Mỹ Duyên	3/14/2000	Nữ	P09	
19	120266	Nguyễn Văn Minh	9/17/2000	Nam	P09	
20	120310	Lê Vĩnh Khiêm	10/27/2000	Nam	P11	
21	120313	Lâm Anh Khoa	11/16/2000	Nam	P11	
22	120331	Đoàn Thị Ngọc Mỹ	6/20/2000	Nữ	P11	
23	120336	Lương Thái Vinh	5/14/2000	Nam	P12	
24	120351	Nguyễn Thành Đạt	10/31/2000	Nam	P12	
25	120407	Nguyễn Đức Phúc Thịnh	5/16/2000	Nam	P14	
26	120410	Cao Trần Ngọc Phương Trang	9/13/2000	Nữ	P14	
27	120414	Đặng Nguyễn Huyền Trân	6/10/2000	Nữ	P14	
28	120421	Nguyễn Lê Duyên	10/12/2000	Nữ	P14	
29	120423	Nguyễn Tấn Lập	8/28/2000	Nam	P14	
30	120433	Trần Thị Mỹ Trâm	2/24/2000	Nữ	P15	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120458	Hồ Ngọc Quyên	11/15/2000	Nữ	P16	
32	120468	Tạ Minh Trung	9/23/2000	Nam	P16	
33	120477	Võ Hữu Đức	12/30/2000	Nam	P16	
34	120487	Lê Như Anh	10/2/2000	Nữ	P16	
35	120534	Vũ Văn Quang	6/12/2000	Nam	P18	
36	120539	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	3/14/2000	Nữ	P18	
37	120554	Đặng Hoàng Nam	11/11/2000	Nam	P19	
38	120596	Lê Phạm Hoài Phương	12/29/2000	Nữ	P20	
39	120620	Nguyễn Thị Hoàng Dung	3/27/2000	Nữ	P21	
40	120641	Trần Hồng Phong	3/12/2000	Nam	P22	
41	120665	Châu Phụng Hân	1/1/2000	Nữ	P22	
42	120683	Lê Nhật Minh Phương	3/21/2000	Nữ	P23	
43	120694	Trịnh Ngọc Như Quỳnh	3/23/2000	Nữ	P23	
44	120695	Nguyễn Diệu Hiền	2/14/2000	Nữ	P23	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12N

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120010	Văn Lê Công Huy	6/29/2000	Nam	P01	
2	120012	Nguyễn Thanh Long	8/2/2000	Nam	P01	
3	120015	Bùi Quang Nhân	7/16/2000	Nam	P01	
4	120025	Lý Tuyết Nhi	7/19/2000	Nữ	P01	
5	120028	Nguyễn Trần Tú Anh	10/11/2000	Nữ	P01	
6	120045	Trần Hoàng Phi Thông	1/1/2000	Nam	P02	
7	120052	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	4/7/2000	Nữ	P02	
8	120064	Phạm Hồng Sơn	4/9/2000	Nam	P03	
9	120088	Nguyễn Lê Nhã Uyên	1/1/2000	Nữ	P03	
10	120106	Nguyễn Thị Hiệp	5/8/1998	Nữ	P04	
11	120132	Nguyễn Hoài Bảo	12/9/2000	Nam	P05	
12	120142	Phan Ngọc Lan Anh	11/28/2000	Nữ	P05	
13	120148	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	10/6/2000	Nữ	P05	
14	120162	Nguyễn Phạm Hữu Tiến	2/24/2000	Nam	P06	
15	120177	Nguyễn Ngọc Trinh	8/1/2000	Nữ	P06	
16	120191	Đoàn Thị Thanh Thuý	1/21/2000	Nữ	P07	
17	120204	Huỳnh Thị Lan Chi	12/15/2000	Nữ	P07	
18	120223	Lý Ngọc Thư	1/1/2000	Nữ	P08	
19	120250	Nguyễn Thoại Ngân	6/2/2000	Nữ	P09	
20	120277	Đặng Trần Khánh Duy	8/19/2000	Nam	P10	
21	120295	Nguyễn Thanh Hà	1/1/2000	Nữ	P10	
22	120299	Đặng Hồ Thiên Phúc	6/18/2000	Nữ	P10	
23	120305	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/22/2000	Nữ	P11	
24	120306	Phạm Hoàng Thanh Phong	5/23/2000	Nam	P11	
25	120317	Lê Triệu Vy	10/13/2000	Nữ	P11	
26	120332	Nguyễn Tấn Tài	9/23/2000	Nam	P11	
27	120333	Đỗ Thị Tuyết Nhi	8/2/2000	Nữ	P11	
28	120338	Trương Hoàng Tân	9/2/2000	Nam	P12	
29	120352	Nguyễn Phước Hồng Hân	4/6/2000	Nữ	P12	
30	120365	Đỗ Ngọc Thanh Hằng	3/1/2000	Nữ	P12	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120392	Trần Khương Vy	11/4/2000	Nữ	P13	
32	120416	Phạm Duy Khang	2/14/2000	Nam	P14	
33	120417	Phùng Bảo Trân	1/1/2000	Nữ	P14	
34	120426	Nguyễn Thị Thu Thủy	1/1/2000	Nữ	P14	
35	120456	Võ Nguyễn Hoài An	1/1/2000	Nam	P15	
36	120463	Nguyễn Thị Kim Trúc	1/1/2000	Nam	P16	
37	120499	Huỳnh Tấn Phát	2/13/2000	Nam	P17	
38	120503	Lê Nguyễn Khương Duy	11/4/2000	Nam	P17	
39	120562	Đặng Đồng Giao	4/11/2000	Nữ	P19	
40	120581	Nguyễn Văn Cường	9/2/2000	Nam	P20	
41	120582	Đặng Hoàng Thư	3/20/2000	Nữ	P20	
42	120592	Phạm Bích Phương	1/1/2000	Nam	P20	
43	120600	Nguyễn Thị Phương Anh	3/14/2000	Nữ	P20	
44	120613	Nguyễn Đình Bảo Long	9/6/2000	Nam	P21	
45	120627	Huỳnh Lê Như Quỳnh	9/11/2000	Nữ	P21	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12P

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120005	Lê Quang Huy	11/29/2000	Nam	P01	
2	120008	Hồ Hoàng Yến	10/27/2000	Nữ	P01	
3	120011	Nguyễn Thu Hoài	7/12/2000	Nữ	P01	
4	120013	Huỳnh Nguyễn Phương Vy	2/15/2000	Nữ	P01	
5	120014	Trần Thị Tuyết Nhung	1/15/2000	Nữ	P01	
6	120018	Lương Việt Trường	2/26/2000	Nam	P01	
7	120026	Phan Hoài Phong	1/4/2000	Nam	P01	
8	120030	Tạ Tuyền Thanh Ngân	9/12/2000	Nữ	P01	
9	120039	Trần Nhật Vĩnh Phát	10/23/2000	Nam	P02	
10	120041	Nguyễn Việt Phúc Long	10/18/2000	Nam	P02	
11	120048	Bùi Ngọc Mai Trinh	3/22/2000	Nữ	P02	
12	120061	Lê Trương Hoàng Long	9/21/2000	Nam	P02	
13	120065	Huỳnh Thảo Vy	1/12/2000	Nữ	P03	
14	120066	Trần Nhật Tân	5/20/2000	Nam	P03	
15	120073	Phạm Thế Thông	6/18/2000	Nam	P03	
16	120079	Hà Nguyên Anh	10/24/2000	Nữ	P03	
17	120083	Lê Trí Khương	4/30/2000	Nam	P03	
18	120098	Lê Ngọc Hòa	1/8/1999	Nữ	P04	
19	120099	Huỳnh Thị Hồng Thủy	7/18/2000	Nữ	P04	
20	120103	Trương Hùng Thuận	7/19/2000	Nam	P04	
21	120107	Lê Anh Quân	12/30/2000	Nam	P04	
22	120108	Nguyễn Huỳnh Thu Yên	11/30/2000	Nữ	P04	
23	120115	Trần Đình Chương	6/28/2000	Nam	P04	
24	120127	Nguyễn Xuân Hùng	6/2/2000	Nam	P05	
25	120149	Vũ Đức Thanh Bình	10/23/2000	Nam	P05	
26	120151	Đặng Trần Thiên Đạt	10/1/2000	Nam	P05	
27	120152	Tạ Thu Trà	2/13/1998	Nữ	P05	
28	120158	Đặng Hoàng Liêm	12/13/2000	Nam	P06	
29	120166	Dương Minh Hiếu	10/26/2000	Nam	P06	
30	120185	Võ Nhân Tài	9/12/2000	Nam	P07	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120193	Võ Thị Phương Thảo	3/4/2000	Nữ	P07	
32	120225	Võ Minh Khánh	9/19/2000	Nam	P08	
33	120233	Phan Ngọc Dung	10/17/2000	Nữ	P08	
34	120234	Nguyễn Trung Tín	1/1/2000	Nam	P08	
35	120245	Nguyễn Thị Bích Tuyền	1/1/2000	Nữ	P09	
36	120253	Lê Minh Nhật	11/23/2000	Nam	P09	
37	120268	Đoàn Hải Đăng	1/12/2000	Nam	P09	
38	120274	Hồ Thị Huỳnh Như	12/4/2000	Nữ	P09	
39	120278	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	2/26/2000	Nữ	P10	
40	120280	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/16/2000	Nữ	P10	
41	120292	Lê Hồng Quân	12/15/2000	Nam	P10	
42	120294	Trần Thị Mỹ Chi	1/11/2000	Nữ	P10	
43	120303	Trần Bảo Trân	2/21/2000	Nữ	P10	
44	120329	Nguyễn Mai Thảo Nguyên	12/19/2000	Nữ	P11	
45	120339	Mai Ngọc Thịnh	2/26/2000	Nam	P12	
46	120355	Nguyễn Thanh Xuân	7/28/2000	Nữ	P12	
47	120362	Bùi Thị Duyên Thanh	7/1/2000	Nữ	P12	
48	120363	Nguyễn Bảo Hân	5/3/2000	Nữ	P12	
49	120513	Trương Thị Bích Vân	6/8/2000	Nữ	P17	
50	120649	Nguyễn Hà Phương	9/24/2000	Nữ	P22	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12Q

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120452	Phạm Nguyễn Đăng Duy	10/25/2000	Nam	P15	
2	120462	Trần Văn Tường	9/11/2000	Nam	P16	
3	120482	Lê Anh Duy	1/6/2000	Nam	P16	
4	120523	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	2/10/2000	Nữ	P18	
5	120586	Nguyễn Ngọc Thiên Thanh	6/21/2000	Nữ	P20	
6	120606	Lê Thị Diễm Huỳnh	1/1/2000	Nữ	P20	
7	120622	Trần Thị Nhật Nguyên	4/16/2000	Nữ	P21	
8	120624	Bùi Trọng Nghĩa	1/1/2000	Nam	P21	
9	120629	Nguyễn Thành Duy	7/7/2000	Nam	P21	
10	120631	Huỳnh Ngọc Long	1/25/2000	Nam	P21	
11	120632	Nguyễn Huỳnh Hải Chương	5/27/2000	Nam	P21	
12	120633	Vũ Hoàng Duy	11/17/2000	Nam	P21	
13	120634	Nguyễn Thiên Thảo Nhân	1/1/2000	Nữ	P21	
14	120637	Đỗ Nguyễn Thế Vũ	5/8/2000	Nam	P21	
15	120640	Nguyễn Văn Hậu	5/21/2000	Nam	P22	
16	120644	Nguyễn Huỳnh Thanh Sang	9/27/2000	Nam	P22	
17	120645	Lê Ngọc Hoàng Châu	2/6/2000	Nam	P22	
18	120647	Trần Ngọc Thanh Phương	11/10/2000	Nữ	P22	
19	120648	Phạm Anh Thư	3/30/2000	Nữ	P22	
20	120653	Bùi Phan Long	8/4/2000	Nam	P22	
21	120654	Nguyễn Minh Anh	9/2/2000	Nữ	P22	
22	120655	Lê Thị Ngọc Xuân	11/28/2000	Nữ	P22	
23	120657	Bùi Lê Nam Quang	12/5/2000	Nam	P22	
24	120658	Nguyễn Thị Thu Trang	4/23/2000	Nữ	P22	
25	120660	Nguyễn Lê Tấn Tài	2/11/2000	Nam	P22	
26	120661	Đặng Thái Sơn	1/1/2000	Nam	P22	
27	120662	Nguyễn Hoàng Kim Xuyên	8/5/2000	Nữ	P22	
28	120668	Trần Thị Thuý Vi	9/26/2000	Nữ	P22	
29	120669	Trần Huy Hào	7/6/2000	Nam	P23	
30	120671	Trần Thanh Danh	1/1/2000	Nam	P23	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120674	Mai Thị Kiều Oanh	7/17/2000	Nữ	P23	
32	120681	Nguyễn Ngọc Ánh	8/26/2000	Nữ	P23	
33	120682	Nguyễn Thị Thanh Nhân	3/22/2000	Nữ	P23	
34	120685	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	10/26/2000	Nữ	P23	
35	120686	Nguyễn Thị Ngọc Trang	12/31/2000	Nữ	P23	
36	120687	Phạm Kiều My	8/7/2000	Nữ	P23	
37	120690	Lê Nhật Huy	2/19/2000	Nam	P23	
38	120691	Trần Thị Trúc Vy	7/26/2000	Nữ	P23	
39	120698	Lê Trần Tấn Lộc	9/19/2000	Nam	P23	
40	120700	Lê Ngô Gia Khánh	1/1/2000	Nam	P24	
41	120702	Đỗ Thị Bảo Yến	3/15/2000	Nữ	P24	
42	120703	Lý Ngọc Nhi	6/16/2000	Nữ	P24	
43	120706	Nguyễn Thị Thanh Xuân	3/15/2000	Nữ	P24	
44	120709	Lý Chi Học	3/22/2000	Nam	P24	
45	120710	Phạm Bảo Duy Lam	9/7/2000	Nữ	P24	
46	120711	Trần Hồng Lân	5/13/2000	Nam	P24	
47	120712	Trần Bạch Tố Uyên	4/8/2000	Nữ	P24	
48	120713	Nguyễn Thị Trà My	6/22/2000	Nữ	P24	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12D

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120029	Đặng Hoàng Long	12/3/2000	Nam	TN01	
2	120034	Nguyễn Thị Thuỳ Hương	8/22/2000	Nữ	TN01	
3	120078	Nguyễn Thị Minh Thương	10/29/2000	Nữ	TN03	
4	120095	Phạm Thị Thuỳ Lan	11/25/2000	Nữ	TN03	
5	120126	Bùi Văn Luật	6/20/2000	Nam	TN04	
6	120159	Nguyễn Nhật Vy	10/28/2000	Nữ	TN04	
7	120172	Nguyễn Trần Tú Thảo	1/3/2000	Nữ	TN05	
8	120180	Vũ Nguyễn Tâm Anh	3/4/2000	Nữ	TN05	
9	120210	Nguyễn Trần Ngọc Bích	8/20/2000	Nữ	TN05	
10	120212	Nguyễn Đoàn Thảo Ngân	10/14/2000	Nữ	TN06	
11	120217	Hồ Thanh Trúc	8/3/2000	Nữ	TN06	
12	120364	Đoàn Yến Nhi	4/26/2000	Nữ	TN09	
13	120369	Dương Trung Hậu	9/28/2000	Nam	TN09	
14	120370	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	5/12/2000	Nữ	TN09	
15	120375	Nguyễn Văn Hiếu	11/19/2000	Nam	TN09	
16	120378	Nguyễn Thị Thanh Trang	5/6/2000	Nữ	TN09	
17	120382	Nguyễn Hồng Phú	10/30/2000	Nam	TN09	
18	120399	Đặng Hồng Ngọc	3/20/2000	Nữ	TN10	
19	120403	Quách Tuấn Khang	6/14/2000	Nam	TN10	
20	120405	Trần Thị Ánh Thương	3/26/2000	Nữ	TN10	
21	120413	Tô Đức Phương	9/7/2000	Nam	TN10	
22	120444	Đặng Thị Thuỳ Trang	10/18/2000	Nữ	TN11	
23	120447	Nguyễn Tấn Luân	4/7/2000	Nam	TN11	
24	120448	Nguyễn Thị Thuỳ Nhiên	10/5/2000	Nữ	TN11	
25	120451	Nguyễn Thanh Tuấn	2/17/2000	Nam	TN11	
26	120453	Lê Quế Trân	3/2/2000	Nữ	TN11	
27	120455	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	6/7/2000	Nữ	TN11	
28	120459	Trương Minh Hoàng	6/12/2000	Nam	TN11	
29	120465	Lê Nguyễn Quỳnh Giang	4/20/2000	Nữ	TN11	
30	120484	Lê Nguyễn Thế Bảo	10/11/2000	Nam	TN12	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120488	Trần Thị Lan Nhi	4/28/2000	Nữ	TN12	
32	120490	Huỳnh Hoàng Long	3/2/2000	Nam	TN12	
33	120491	Lâm Mai Uyên	10/20/2000	Nữ	TN12	
34	120495	Nguyễn Thị Thanh Ngân	4/2/2000	Nữ	TN12	
35	120496	Nguyễn Thị Thanh Ngân	4/1/2000	Nữ	TN12	
36	120497	Nguyễn Đăng Khoa	8/11/2000	Nam	TN12	
37	120505	Nguyễn Thị Thu Phương	4/29/2000	Nữ	TN12	
38	120506	Nguyễn Quốc Quang Huy	5/10/2000	Nam	TN12	
39	120531	Lê Trọng Nhân	10/14/2000	Nam	TN13	
40	120545	Phạm Thành Phong	7/15/2000	Nam	TN13	
41	120550	Nguyễn Phước Lộc	4/27/2000	Nam	TN13	
42	120567	Đào Minh Hoàng	9/24/2000	Nam	TN14	
43	120568	Nguyễn Huỳnh My	3/1/2000	Nữ	TN14	
44	120570	Lê Thị Kim Yến	12/5/2000	Nữ	TN14	
45	120621	Lê Công Trí	10/13/2000	Nam	TN15	
46	120667	Nguyễn Thị Kim Nguyên	12/13/2000	Nữ	TN16	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12E

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120387	Trần Hữu Thắng	3/19/2000	Nam	TN09	
2	120388	Nguyễn Nhật Bảo Huy	12/5/2000	Nam	TN09	
3	120390	Trần Ngọc Trân	7/30/2000	Nữ	TN09	
4	120394	Nguyễn Trung Hiếu	4/26/2000	Nam	TN09	
5	120397	Nguyễn Thanh Ngân	6/9/2000	Nữ	TN10	
6	120401	Đặng Thị Thanh Tâm	2/28/2000	Nữ	TN10	
7	120404	Nguyễn Thị Quế Anh	4/8/2000	Nữ	TN10	
8	120406	Võ Thị Kim Vân	11/2/2000	Nữ	TN10	
9	120411	Dương Minh Hải	9/9/2000	Nam	TN10	
10	120424	Bùi Hoàng Duy Tân	8/27/2000	Nam	TN10	
11	120429	Trần Quang Đức	11/28/1999	Nam	TN10	
12	120432	Bùi Nguyễn Hoàng Lan	1/1/2000	Nữ	TN10	
13	120434	Nguyễn Trần Anh Thư	6/26/2000	Nữ	TN10	
14	120435	Nguyễn Minh Kiệt	11/2/2000	Nam	TN10	
15	120437	Lê Thanh Thảo Vy	1/1/2000	Nữ	TN10	
16	120438	Mai Phi Phụng	7/27/2000	Nữ	TN11	
17	120439	Trần Thị Tuyết	7/16/2000	Nữ	TN11	
18	120442	Nguyễn Mạnh Hùng	10/6/2000	Nam	TN11	
19	120443	Hồ Thị Trúc Vi	1/5/2000	Nữ	TN11	
20	120445	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	9/15/2000	Nữ	TN11	
21	120446	Võ Trí Phương	8/13/2000	Nam	TN11	
22	120450	Dương Thị Bảo Trang	6/27/2000	Nữ	TN11	
23	120454	Phạm Hoàng Phương Hoa	1/1/2000	Nữ	TN11	
24	120457	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	2/25/2000	Nữ	TN11	
25	120460	Vũ Quang Vinh	11/17/2000	Nam	TN11	
26	120461	Nguyễn Thanh Vũ	8/4/2000	Nam	TN11	
27	120469	Lê Vi Ký	9/19/2000	Nam	TN11	
28	120471	Phạm Nguyễn Thái Hà	8/1/2000	Nữ	TN11	
29	120472	Tạ Đình Khánh Duy	6/2/2000	Nam	TN11	
30	120473	Nguyễn Anh Nhật	10/14/2000	Nam	TN11	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120474	Tạ Phương Ngọc	2/18/2000	Nữ	TN11	
32	120478	Hồ Ngọc Phương Dung	9/26/2000	Nữ	TN12	
33	120479	Nguyễn Hữu Lợi	10/27/2000	Nam	TN12	
34	120481	Đỗ Thị Kim Tiền	8/7/1999	Nữ	TN12	
35	120483	Lê Anh Đức	1/2/2000	Nam	TN12	
36	120493	Huỳnh Thanh Duy	1/26/2000	Nam	TN12	
37	120494	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	2/21/2000	Nữ	TN12	
38	120498	Nguyễn Phúc Bảo Long	1/1/2000	Nam	TN12	
39	120501	Trương Tấn Sang	3/19/2000	Nam	TN12	
40	120507	Võ Trương Hoàng Quyên	7/8/2000	Nữ	TN12	
41	120508	Nguyễn Thị Phương Hoa	5/20/2000	Nữ	TN12	
42	120510	Lê Thanh Tâm	4/4/2000	Nam	TN12	
43	120517	Lê Minh Cường	2/15/2000	Nam	TN13	
44	120519	Huỳnh Thị Ngọc Mỹ	7/14/2000	Nữ	TN13	
45	120579	Mai Bá Hậu	11/19/2000	Nam	TN14	
46	120628	Tổng Lê Thanh Nhân	1/5/2000	Nữ	TN15	
47	120638	Tô Thị Mỹ Huyền	1/1/2000	Nữ	TN16	
48	120699	Lê Thị Mỹ Duyên	4/1/2000	Nữ	TN17	
49	120805	Nguyễn Thanh Tấn	1/6/2000	Nam	TN18	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12F

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120002	Huỳnh Quốc Danh	4/15/2000	Nam	TN01	
2	120007	Phan Lê Hoàng Hải	10/2/2000	Nam	TN01	
3	120022	Trương Trọng Nhân	4/30/2000	Nam	TN01	
4	120031	Cao Thị Thêu	9/21/2000	Nữ	TN01	
5	120036	Bùi Ngọc Lập	7/29/2000	Nam	TN01	
6	120040	Võ Quang Nhựt	4/23/2000	Nam	TN02	
7	120046	Hoàng Quốc Dũng	9/28/2000	Nam	TN02	
8	120050	Đỗ Trung Đức	9/24/2000	Nam	TN02	
9	120059	Nguyễn Hoàng Tiến Anh	2/21/2000	Nam	TN02	
10	120067	Trần Chiến Trường	8/19/2000	Nam	TN02	
11	120070	Nguyễn Hoàng Phước Toàn	4/30/2000	Nam	TN02	
12	120081	Nguyễn An Khang	11/20/1999	Nam	TN03	
13	120087	Nguyễn Hải Hà Thanh	10/20/2000	Nữ	TN03	
14	120092	Trần Quốc Khánh	10/9/2000	Nam	TN03	
15	120097	Đoàn Bá Thiên Lộc	6/7/2000	Nam	TN03	
16	120109	Nguyễn Dương Hoàng Tâm	9/5/2000	Nam	TN03	
17	120114	Phạm Hoàng Đức	12/4/2000	Nam	TN03	
18	120121	Cao Thành Đạt	12/5/2000	Nam	TN04	
19	120129	Ngô Hải Long	9/1/2000	Nam	TN04	
20	120134	Lê Tuấn Anh	11/6/2000	Nam	TN04	
21	120140	Tô Ngọc Phương Vy	8/24/2000	Nữ	TN04	
22	120141	Lương Hoàng Vũ	1/18/2000	Nam	TN04	
23	120161	Nguyễn Thị Tường Vy	4/18/2000	Nữ	TN04	
24	120163	Võ Tấn Lợi	4/6/2000	Nam	TN05	
25	120174	Nguyễn Hồng Anh Thư	3/29/2000	Nữ	TN05	
26	120190	Đặng Quỳnh Như	7/17/2000	Nữ	TN05	
27	120197	Trần Thị Thiên Trúc	4/2/2000	Nữ	TN05	
28	120200	Chu Văn Minh	11/21/2000	Nam	TN05	
29	120220	Nguyễn Kiều Công Minh	10/29/2000	Nam	TN06	
30	120221	Ngô Nguyễn Hồng Như	8/16/2000	Nữ	TN06	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120236	Phan Quốc Bảo	2/18/2000	Nam	TN06	
32	120242	Nguyễn Hữu Hoàng Phúc	8/3/2000	Nam	TN06	
33	120246	Nguyễn Võ Ái My	3/3/2000	Nữ	TN06	
34	120263	Trần Nguyễn Thành Đạt	11/20/2000	Nam	TN07	
35	120281	Đinh Nguyễn Xuân Hoài	11/20/2000	Nữ	TN07	
36	120285	Tăng Minh Tiến	4/24/2000	Nam	TN07	
37	120290	Nguyễn Dương Phương Như	7/24/2000	Nữ	TN07	
38	120315	Nguyễn Phước Đại	3/26/2000	Nam	TN08	
39	120316	Phạm Thị Quỳnh Như	8/6/2000	Nữ	TN08	
40	120322	Nguyễn Hoàng Thuỳ Trang	7/22/2000	Nữ	TN08	
41	120326	Hoàng Thụy Phương Thy	4/3/2000	Nữ	TN08	
42	120327	Trần Minh Thuận	11/23/1999	Nam	TN08	
43	120347	Trương Huy Thịnh	11/29/2000	Nam	TN08	
44	120353	Trần Hồng Nhung	4/28/2000	Nữ	TN09	
45	120374	Trần Ngọc Khánh	11/24/2000	Nữ	TN09	
46	120384	Trần Hạnh Thi	3/19/2000	Nữ	TN09	
47	120412	Nguyễn Lữ Lê Hưng	10/18/2000	Nam	TN10	
48	120566	Đặng Gia Thy	10/19/2000	Nữ	TN14	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12G

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120283	Ngô Hải Hà	11/15/2000	Nữ	TN07	
2	120430	Lê Quốc Vũ	6/24/2000	Nam	TN10	
3	120509	Nguyễn Trương Phi	1/10/2000	Nam	TN12	
4	120512	Nguyễn Thuý Vy	12/17/2000	Nữ	TN12	
5	120514	Lê Quốc Đại	11/1/2000	Nam	TN12	
6	120522	Vũ Thiên Long	8/27/2000	Nam	TN13	
7	120524	Ngô Ngọc Phương Oanh	7/21/2000	Nữ	TN13	
8	120525	Nguyễn Trọng Đạt	8/13/2000	Nam	TN13	
9	120526	Nguyễn Quốc Trường Huy	5/25/2000	Nam	TN13	
10	120529	Phạm Khánh Linh	3/13/2000	Nữ	TN13	
11	120530	Dương Nhật Hào	2/14/2000	Nam	TN13	
12	120532	Võ Hoàng Thiên	7/21/2000	Nam	TN13	
13	120533	Lê Vinh Kỳ	4/24/2000	Nam	TN13	
14	120535	Nguyễn Thị Kim Thảo	3/25/2000	Nữ	TN13	
15	120536	Võ Thị Hồng Gấm	5/21/2000	Nữ	TN13	
16	120538	Lê Hoàng Thuận	5/16/2000	Nam	TN13	
17	120542	Trần Ngọc Thư	8/17/2000	Nữ	TN13	
18	120547	Ngô Phúc Thịnh	6/2/2000	Nam	TN13	
19	120548	Nguyễn Phúc Thịnh	12/6/2000	Nam	TN13	
20	120551	Nguyễn Thành Tiến	10/29/2000	Nam	TN13	
21	120552	Vũ Nhật Minh Trường	2/2/2000	Nam	TN14	
22	120555	Trần Khánh Trân	6/2/2000	Nữ	TN14	
23	120556	Đào Thị Sơn Tuyền	10/28/2000	Nữ	TN14	
24	120557	Dương Quốc Gia	8/7/2000	Nam	TN14	
25	120571	Vương Bảo Ngọc	9/5/2000	Nam	TN14	
26	120573	Phan Thị Kim Diệp	2/8/2000	Nữ	TN14	
27	120574	Châu Gia An	10/9/2000	Nam	TN14	
28	120575	Vũ Tiến Dũng	9/29/2000	Nam	TN14	
29	120576	Phan Nhật Tiến	3/3/2000	Nam	TN14	
30	120577	Nguyễn Thị Hồng Mai	6/14/2000	Nữ	TN14	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120578	Lê Đức Anh	10/25/2000	Nam	TN14	
32	120580	Nguyễn Thị Mỹ Linh	3/5/2000	Nam	TN14	
33	120584	Nguyễn Quốc Thống	1/7/2000	Nam	TN14	
34	120585	Trần Thị Thuỷ Tiên	9/16/2000	Nữ	TN14	
35	120587	Lưu Tấn Nghiệp	3/31/2000	Nam	TN14	
36	120588	Nguyễn Thị Duyên	8/12/2000	Nữ	TN14	
37	120589	Phạm Huy Thịnh	2/29/2000	Nam	TN14	
38	120593	Trịnh Thị Thuỷ Trang	6/17/2000	Nữ	TN14	
39	120595	Bùi Hoàng Long	11/9/2000	Nam	TN14	
40	120597	Lâm Thu Anh Thư	4/2/2000	Nữ	TN15	
41	120602	Lê Thị Mỹ Linh	10/15/2000	Nữ	TN15	
42	120604	Nguyễn Bảo Vy	10/29/2000	Nữ	TN15	
43	120610	Dương Thuỷ Vy	8/1/2000	Nữ	TN15	
44	120611	Nguyễn Như Hồng Quỳnh	1/2/2000	Nữ	TN15	
45	120612	Nguyễn Quỳnh Lộc	8/3/2000	Nam	TN15	
46	120615	Lê Khánh Hoàng Lâm	12/21/2000	Nam	TN15	
47	120616	Nguyễn Huỳnh Phương Trâm	1/1/2000	Nữ	TN15	
48	120617	Bùi Thị Hồng Điệp	2/25/2000	Nữ	TN15	
49	120619	Nguyễn Châu Tuấn Sang	9/27/2000	Nam	TN15	
50	120666	Thạch Ngọc Thuỷ Tiên	11/26/2000	Nữ	TN16	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12H

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120003	Vương Quốc Cường	11/20/2000	Nam	TN01	
2	120016	Phạm Thị Cẩm Vân	9/27/2000	Nữ	TN01	
3	120021	Nguyễn Văn Toàn	9/18/2000	Nam	TN01	
4	120024	Huỳnh Thanh Anh Tú	2/13/2000	Nam	TN01	
5	120037	Thái Thuận Phát	12/28/2000	Nam	TN01	
6	120038	Trần Minh Duy	3/20/2000	Nam	TN01	
7	120047	Đỗ Anh Minh	4/30/2000	Nam	TN02	
8	120051	Mai Xuân Toàn	9/28/2000	Nam	TN02	
9	120062	Võ Ngọc Trọng	9/9/2000	Nam	TN02	
10	120068	Nguyễn Văn Tiến	8/12/1999	Nam	TN02	
11	120076	Huỳnh Nhật Hào	3/21/2000	Nam	TN02	
12	120093	Phạm Hoàng Tuấn	11/4/2000	Nam	TN03	
13	120101	Nguyễn Hoàng Khang	10/2/1999	Nam	TN03	
14	120105	Võ Kim Ngân	4/30/2000	Nữ	TN03	
15	120113	Huỳnh Minh Cường	11/6/2000	Nam	TN03	
16	120116	Trần Văn Đức	2/24/2000	Nam	TN03	
17	120124	Đỗ Nguyên Bảo	12/20/2000	Nam	TN04	
18	120131	Nguyễn Trường Sơn	2/15/2000	Nam	TN04	
19	120138	Lê Phước Anh	4/24/2000	Nam	TN04	
20	120150	Trần Kỳ Trung	4/3/2000	Nam	TN04	
21	120165	Nguyễn Tuấn Thành	4/23/2000	Nam	TN05	
22	120168	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	10/23/2000	Nữ	TN05	
23	120187	Nguyễn Thị Trang Nhung	2/5/2000	Nữ	TN05	
24	120211	Trần Thị Hiếu Hạnh	7/15/2000	Nữ	TN06	
25	120215	Phạm Hoàng Long	9/15/2000	Nam	TN06	
26	120222	Trần Phương Như	9/19/2000	Nữ	TN06	
27	120226	Phan Thế Anh	11/2/2000	Nam	TN06	
28	120229	Lê Minh Đức	6/1/2000	Nam	TN06	
29	120251	Nguyễn Thị Kim Uyên	6/29/2000	Nữ	TN06	
30	120255	Bùi Văn Long	11/14/2000	Nam	TN06	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120258	Lê Ngọc Yến Nhi	8/13/2000	Nữ	TN06	
32	120271	Hồ Lê Bảo Long	1/27/2000	Nam	TN07	
33	120286	Nguyễn Sơn Chiến	7/14/2000	Nam	TN07	
34	120287	Trần Thị Nhung	12/15/2000	Nữ	TN07	
35	120300	Nguyễn Thuỷ Tiên	7/6/2000	Nữ	TN07	
36	120318	Trần Thanh Tùng	6/4/2000	Nam	TN08	
37	120320	Huỳnh Thị Ngọc Như	6/3/2000	Nữ	TN08	
38	120324	Nguyễn Thị Ngọc Thi	1/3/1999	Nữ	TN08	
39	120342	Nguyễn Trường Vũ	7/24/2000	Nam	TN08	
40	120349	Bùi Quang Huy	4/30/2000	Nam	TN08	
41	120361	Nguyễn Hữu Huy	6/16/2000	Nam	TN09	
42	120377	Đỗ Thị Linh	11/14/1998	Nữ	TN09	
43	120386	Phạm Trần Lập Vy	10/7/2000	Nữ	TN09	
44	120418	Trần Minh Nhật	1/9/2000	Nam	TN10	
45	120559	Lê Hoàng Mỹ Uyên	1/17/2000	Nữ	TN14	
46	120689	Lê Nguyễn Phúc Lân	3/5/2000	Nam	TN17	
47	120803	Lê Thị Mỹ Hạnh	8/18/1999	Nữ	TN18	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12J

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120004	Lê Minh Tuấn Anh	12/26/2000	Nam	TN01	
2	120006	Nguyễn Thị Yến Vy	5/8/2000	Nữ	TN01	
3	120020	Trần Phi Ngọc Diễm	9/10/2000	Nam	TN01	
4	120023	Phạm Thiên Hoa	11/2/2000	Nữ	TN01	
5	120035	Dương Nhân Sinh	4/28/2000	Nam	TN01	
6	120043	Nguyễn Minh Thắng	1/9/2000	Nam	TN02	
7	120049	Võ Đôn Hoàng Phước	3/31/2000	Nam	TN02	
8	120054	Lữ Đức Khánh	3/22/2000	Nam	TN02	
9	120069	Trần Minh Chiến	11/20/2000	Nam	TN02	
10	120077	Đinh Thị Thu Trang	11/9/2000	Nữ	TN02	
11	120080	Nguyễn Hải Tấn Phát	7/13/2000	Nam	TN03	
12	120096	Nguyễn Đặng Bảo Long	9/8/2000	Nam	TN03	
13	120104	Trần Mậu Hào	7/23/2000	Nam	TN03	
14	120112	Lê Hoàng Tuyết Ngân	8/21/2000	Nữ	TN03	
15	120120	Phạm Lê Quang Tuấn	6/18/2000	Nam	TN04	
16	120122	Trần Đặng Mỹ Đạt	10/21/2000	Nữ	TN04	
17	120147	Nguyễn Quang Hạ	10/6/2000	Nam	TN04	
18	120156	Nguyễn Thị Xuân Đan	2/6/2000	Nữ	TN04	
19	120160	Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu	1/19/2000	Nam	TN04	
20	120171	Nguyễn Toàn Quốc	9/30/2000	Nam	TN05	
21	120173	Trần Ngọc Hải Yến	1/20/2000	Nữ	TN05	
22	120188	Trương Thị Minh Nhật	7/24/2000	Nữ	TN05	
23	120189	Trần Lê Anh Kha	10/7/2000	Nam	TN05	
24	120192	Nguyễn Thị Tuyết Trang	10/7/2000	Nữ	TN05	
25	120227	Dương Trí Cường	9/12/2000	Nam	TN06	
26	120230	Nguyễn Phương Thảo	6/27/2000	Nữ	TN06	
27	120256	Nguyễn Thanh Nguyên	9/23/2000	Nam	TN06	
28	120260	Huỳnh Ngọc Tuyết	3/22/2000	Nữ	TN07	
29	120262	Nguyễn Khánh Hùng	5/7/2000	Nam	TN07	
30	120282	Đặng Gia Huy	11/16/2000	Nam	TN07	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120288	Huỳnh Thị Cẩm Hồng	1/1/2000	Nữ	TN07	
32	120301	Phạm Xuân Khoa	2/6/2000	Nam	TN07	
33	120312	Trần Thị Mộng Trúc	2/27/2000	Nữ	TN08	
34	120319	Phạm Thế Đức	5/12/2000	Nam	TN08	
35	120321	Ngô Ngọc Kim Ngân	11/30/2000	Nữ	TN08	
36	120325	Nguyễn Nữ Anh Thư	7/5/2000	Nữ	TN08	
37	120343	Phan Đào Xuân Ngân	12/16/2000	Nữ	TN08	
38	120345	Nguyễn Hoàng Nhựt Tân	10/26/2000	Nam	TN08	
39	120367	Trương Hoàng Khánh	2/17/2000	Nam	TN09	
40	120371	Trần Đức Duy	7/24/2000	Nam	TN09	
41	120376	Nguyễn Văn Hiếu	2/23/2000	Nam	TN09	
42	120419	Doãn Thị Minh Nguyệt	12/22/2000	Nữ	TN10	
43	120594	Nguyễn Ba Tiên	1/1/2000	Nam	TN14	
44	120601	Nguyễn Thảo Nguyên	3/11/2000	Nữ	TN15	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12K

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120063	Đinh Bảo Hoàng	1/1/2000	Nam	TN02	
2	120146	Nguyễn Cao Cường	6/5/2000	Nam	TN04	
3	120154	Nguyễn Thị Bảo Trân	9/16/2000	Nữ	TN04	
4	120216	Nguyễn Trọng Nghĩa	5/9/2000	Nam	TN06	
5	120257	Nguyễn Ngọc Anh Vy	1/16/2000	Nữ	TN06	
6	120359	Đặng Trung Tín	1/24/2000	Nam	TN09	
7	120428	Cao Hoài Nam	12/5/2000	Nam	TN10	
8	120466	Phạm Giang Minh Châu	6/8/2000	Nữ	TN11	
9	120475	Phạm Lê Đại Dương	2/15/2000	Nam	TN11	
10	120486	Hoàng Ái Như	1/6/2000	Nữ	TN12	
11	120515	Phạm Xuân Tùng	1/31/2000	Nam	TN13	
12	120520	Trần Trương Thanh Bình	1/25/2000	Nam	TN13	
13	120521	Dương Quốc Khang	2/3/2000	Nam	TN13	
14	120527	Dương Thị Hồng Linh	9/4/2000	Nữ	TN13	
15	120528	Trần Thị Mỹ Trang	9/6/2000	Nữ	TN13	
16	120546	Trương Hữu Tài	2/13/2000	Nam	TN13	
17	120549	Nguyễn Anh Khoa	9/9/2000	Nam	TN13	
18	120591	Lê Ngọc Thảo My	8/27/2000	Nữ	TN14	
19	120598	Lê Thị Thuý Hà	4/12/2000	Nữ	TN15	
20	120603	Lê Thanh Vy	10/23/2000	Nữ	TN15	
21	120618	Chu Nguyễn Thuý Vy	9/2/2000	Nữ	TN15	
22	120623	Lê Nhật Thanh	12/5/2000	Nam	TN15	
23	120625	Nguyễn Thị Phương Thanh	2/7/2000	Nữ	TN15	
24	120626	Nguyễn Văn Trí	11/23/2000	Nam	TN15	
25	120630	Vũ Phương Anh	10/1/2000	Nữ	TN15	
26	120635	Nguyễn Minh Hằng	2/22/2000	Nữ	TN15	
27	120639	Võ Nguyễn Uyên Phương	9/22/2000	Nữ	TN16	
28	120642	Hồ Thị Thuý Vân	7/17/2000	Nữ	TN16	
29	120643	Phan Thị Mỹ Châu	4/27/2000	Nữ	TN16	
30	120646	Lưu Thị Thu Huyền	9/26/2000	Nữ	TN16	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120651	Nguyễn Hoàng Châu	10/9/2000	Nữ	TN16	
32	120656	Ngô Nguyễn Minh Huyền	8/30/2000	Nữ	TN16	
33	120664	Phan Minh Thuận	4/25/2000	Nam	TN16	
34	120673	Nguyễn Duy Khanh	9/17/2000	Nam	TN17	
35	120675	Nguyễn Ngọc Kim Duyên	11/16/2000	Nữ	TN17	
36	120676	Nguyễn Thuỷ Tinh Nguyên	1/19/2000	Nữ	TN17	
37	120678	Mai Văn Thắng	1/1/2000	Nam	TN17	
38	120679	Trần Thị Minh Thy	11/8/2000	Nữ	TN17	
39	120688	Vũ Trần Bảo Khánh	9/1/2000	Nữ	TN17	
40	120696	Bùi Trần Thụy Quỳnh Hương	8/8/2000	Nữ	TN17	
41	120701	Ngô Thị Tuyết Anh	10/25/2000	Nữ	TN17	
42	120704	Lê Vũ Thái Hòa	1/7/2000	Nữ	TN17	
43	120708	Phan Lê Thuý Vy	10/25/2000	Nữ	TN17	
44	120714	Trần Thị Thanh Liên	5/3/2000	Nữ	TN18	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12L

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120042	Phạm Thế Bảo	5/17/2000	Nam	TN02	
2	120071	Nguyễn Thanh Thuý	2/12/2000	Nữ	TN02	
3	120072	Lê Huỳnh Xuân Tước	8/23/2000	Nữ	TN02	
4	120082	Thái Hồng Cúc	3/20/2000	Nữ	TN03	
5	120091	Lê Tấn Đạt	10/1/2000	Nam	TN03	
6	120117	Nguyễn Huy Hoàng	4/8/2000	Nam	TN03	
7	120130	Nguyễn Trí Tín	8/23/2000	Nam	TN04	
8	120136	Huỳnh Như Ngọc	7/1/2000	Nữ	TN04	
9	120144	Lê Ngọc Mỹ Ngân	4/6/2000	Nữ	TN04	
10	120167	Trần Đình Anh Vũ	9/4/2000	Nam	TN05	
11	120175	Trần Thị Ngọc Vân	5/10/2000	Nữ	TN05	
12	120179	Nguyễn Thị Tường Vi	2/23/2000	Nữ	TN05	
13	120181	Nguyễn Hoàng Chí Trâm	11/29/2000	Nữ	TN05	
14	120186	Võ Thanh Duy	3/9/2000	Nam	TN05	
15	120194	Lê Trương Ngọc Trúc	11/30/2000	Nữ	TN05	
16	120207	Tô Thị Minh Tâm	7/18/2000	Nữ	TN05	
17	120208	Trần Anh Vũ	6/29/2000	Nam	TN05	
18	120232	Lê Thị Thương	10/25/2000	Nữ	TN06	
19	120238	Phạm Hoàng Tân	10/4/2000	Nam	TN06	
20	120243	Trương Thảo Nguyên	8/27/2000	Nữ	TN06	
21	120265	Nguyễn Tâm Như	10/9/2000	Nữ	TN07	
22	120267	Đoàn Phúc Hiếu	12/3/2000	Nam	TN07	
23	120275	Hồ Nguyễn Minh Tài	7/13/2000	Nam	TN07	
24	120276	Lê Bích Ngân	2/2/2000	Nữ	TN07	
25	120279	Nguyễn Thị Kim Ngân	1/24/2000	Nữ	TN07	
26	120289	Lê Kiều Ngọc Anh	5/7/2000	Nữ	TN07	
27	120291	Huỳnh Thanh Thế	2/20/2000	Nam	TN07	
28	120298	Tạ Thị Mỹ Linh	10/23/2000	Nữ	TN07	
29	120304	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4/27/2000	Nữ	TN08	
30	120323	Phạm Thanh Đăng Linh	10/20/2000	Nữ	TN08	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120328	Đặng Nguyễn Hoài Thương	8/24/2000	Nữ	TN08	
32	120330	Đỗ Thị Ngọc Trâm	3/29/2000	Nữ	TN08	
33	120348	Phạm Trần Tuyết Minh	10/4/2000	Nữ	TN08	
34	120354	Dương Lê Gia	12/22/1999	Nam	TN09	
35	120357	Nguyễn Hồng Hà Uyên	8/28/2000	Nữ	TN09	
36	120366	Đặng Trần Hoàng Huy	5/4/2000	Nam	TN09	
37	120368	Nguyễn Thị Phương Kiều	8/2/2000	Nữ	TN09	
38	120380	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	7/13/2000	Nữ	TN09	
39	120385	Kim Hà Phương	12/5/2000	Nữ	TN09	
40	120393	Hoàng Thụy Bảo An	2/12/2000	Nữ	TN09	
41	120396	Huỳnh Tuấn Khanh	1/29/2000	Nam	TN10	
42	120408	Vũ Thiên Phúc	4/12/2000	Nam	TN10	
43	120422	Đinh Thị Thuý Nga	12/27/2000	Nữ	TN10	
44	120436	Phạm Thị Ngọc Hương	7/16/2000	Nữ	TN10	
45	120480	Phan Hồng Anh	8/26/2000	Nữ	TN12	
46	120500	Nguyễn Thị Trúc Phương	8/5/2000	Nữ	TN12	
47	120652	Nguyễn Ngọc Trang Khanh	2/16/2000	Nữ	TN16	
48	120692	Trương Quang Vinh	1/4/2000	Nam	TN17	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12M

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120019	Trần Văn Trọng Phúc	1/17/2000	Nam	TN01	
2	120027	Bùi Thị Bích Vân	3/17/2000	Nữ	TN01	
3	120033	Cao Hoàng Anh Tú	10/7/2000	Nam	TN01	
4	120044	Võ Ngọc Thuận	2/15/2000	Nam	TN02	
5	120055	Hồ Thị Hoàng Yến	4/19/2000	Nữ	TN02	
6	120056	Phạm Minh Quân	2/4/2000	Nam	TN02	
7	120060	Trương Chí Bửu	6/12/2000	Nam	TN02	
8	120090	Thạch Thị Bảo Châu	6/7/2000	Nữ	TN03	
9	120111	Nguyễn Quốc Hào	1/20/2000	Nam	TN03	
10	120125	Ngô Khắc Hoàng Long	2/21/2000	Nam	TN04	
11	120135	Hoàng Thị Diệu Linh	9/8/2000	Nữ	TN04	
12	120139	Dương Minh Hoàng Tú	10/11/2000	Nam	TN04	
13	120164	Dương Hoàng Minh Hiếu	2/9/2000	Nam	TN05	
14	120176	Phạm Phước Thịnh	2/27/2000	Nam	TN05	
15	120178	Phạm Thị Ngọc Mai	3/10/2000	Nữ	TN05	
16	120239	Nguyễn Quý Nghĩa	11/7/2000	Nam	TN06	
17	120249	Lê Phan Quế Khanh	9/5/2000	Nữ	TN06	
18	120264	Võ Trần Mỹ Duyên	3/14/2000	Nữ	TN07	
19	120266	Nguyễn Văn Minh	9/17/2000	Nam	TN07	
20	120310	Lê Vĩnh Khiêm	10/27/2000	Nam	TN08	
21	120313	Lâm Anh Khoa	11/16/2000	Nam	TN08	
22	120331	Đoàn Thị Ngọc Mỹ	6/20/2000	Nữ	TN08	
23	120336	Lương Thái Vinh	5/14/2000	Nam	TN08	
24	120351	Nguyễn Thành Đạt	10/31/2000	Nam	TN08	
25	120407	Nguyễn Đức Phúc Thịnh	5/16/2000	Nam	TN10	
26	120410	Cao Trần Ngọc Phương Trang	9/13/2000	Nữ	TN10	
27	120414	Đặng Nguyễn Huyền Trân	6/10/2000	Nữ	TN10	
28	120421	Nguyễn Lê Duyên	10/12/2000	Nữ	TN10	
29	120423	Nguyễn Tấn Lập	8/28/2000	Nam	TN10	
30	120433	Trần Thị Mỹ Trâm	2/24/2000	Nữ	TN10	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120458	Hồ Ngọc Quyên	11/15/2000	Nữ	TN11	
32	120468	Tạ Minh Trung	9/23/2000	Nam	TN11	
33	120477	Võ Hữu Đức	12/30/2000	Nam	TN12	
34	120487	Lê Như Anh	10/2/2000	Nữ	TN12	
35	120534	Vũ Văn Quang	6/12/2000	Nam	TN13	
36	120539	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	3/14/2000	Nữ	TN13	
37	120554	Đặng Hoàng Nam	11/11/2000	Nam	TN14	
38	120596	Lê Phạm Hoài Phương	12/29/2000	Nữ	TN14	
39	120620	Nguyễn Thị Hoàng Dung	3/27/2000	Nữ	TN15	
40	120641	Trần Hồng Phong	3/12/2000	Nam	TN16	
41	120665	Châu Phụng Hân	1/1/2000	Nữ	TN16	
42	120683	Lê Nhật Minh Phương	3/21/2000	Nữ	TN17	
43	120694	Trịnh Ngọc Như Quỳnh	3/23/2000	Nữ	TN17	
44	120695	Nguyễn Diệu Hiền	2/14/2000	Nữ	TN17	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12P

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120005	Lê Quang Huy	11/29/2000	Nam	TN01	
2	120008	Hồ Hoàng Yến	10/27/2000	Nữ	TN01	
3	120011	Nguyễn Thu Hoài	7/12/2000	Nữ	TN01	
4	120013	Huỳnh Nguyễn Phương Vy	2/15/2000	Nữ	TN01	
5	120014	Trần Thị Tuyết Nhung	1/15/2000	Nữ	TN01	
6	120018	Lương Việt Trường	2/26/2000	Nam	TN01	
7	120026	Phan Hoài Phong	1/4/2000	Nam	TN01	
8	120030	Tạ Tuyền Thanh Ngân	9/12/2000	Nữ	TN01	
9	120039	Trần Nhật Vĩnh Phát	10/23/2000	Nam	TN01	
10	120041	Nguyễn Việt Phúc Long	10/18/2000	Nam	TN02	
11	120048	Bùi Ngọc Mai Trinh	3/22/2000	Nữ	TN02	
12	120061	Lê Trương Hoàng Long	9/21/2000	Nam	TN02	
13	120065	Huỳnh Thảo Vy	1/12/2000	Nữ	TN02	
14	120066	Trần Nhật Tân	5/20/2000	Nam	TN02	
15	120073	Phạm Thế Thông	6/18/2000	Nam	TN02	
16	120079	Hà Nguyên Anh	10/24/2000	Nữ	TN03	
17	120083	Lê Trí Khương	4/30/2000	Nam	TN03	
18	120098	Lê Ngọc Hòa	1/8/1999	Nữ	TN03	
19	120099	Huỳnh Thị Hồng Thuỷ	7/18/2000	Nữ	TN03	
20	120103	Trương Hùng Thuận	7/19/2000	Nam	TN03	
21	120107	Lê Anh Quân	12/30/2000	Nam	TN03	
22	120108	Nguyễn Huỳnh Thu Yên	11/30/2000	Nữ	TN03	
23	120115	Trần Đình Chương	6/28/2000	Nam	TN03	
24	120127	Nguyễn Xuân Hùng	6/2/2000	Nam	TN04	
25	120149	Vũ Đức Thanh Bình	10/23/2000	Nam	TN04	
26	120151	Đặng Trần Thiên Đạt	10/1/2000	Nam	TN04	
27	120152	Tạ Thu Trà	2/13/1998	Nữ	TN04	
28	120158	Đặng Hoàng Liêm	12/13/2000	Nam	TN04	
29	120166	Dương Minh Hiếu	10/26/2000	Nam	TN05	
30	120185	Võ Nhân Tài	9/12/2000	Nam	TN05	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120193	Võ Thị Phương Thảo	3/4/2000	Nữ	TN05	
32	120225	Võ Minh Khánh	9/19/2000	Nam	TN06	
33	120233	Phan Ngọc Dung	10/17/2000	Nữ	TN06	
34	120234	Nguyễn Trung Tín	1/1/2000	Nam	TN06	
35	120245	Nguyễn Thị Bích Tuyền	1/1/2000	Nữ	TN06	
36	120253	Lê Minh Nhật	11/23/2000	Nam	TN06	
37	120268	Đoàn Hải Đăng	1/12/2000	Nam	TN07	
38	120274	Hồ Thị Huỳnh Như	12/4/2000	Nữ	TN07	
39	120278	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	2/26/2000	Nữ	TN07	
40	120280	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/16/2000	Nữ	TN07	
41	120292	Lê Hồng Quân	12/15/2000	Nam	TN07	
42	120294	Trần Thị Mỹ Chi	1/11/2000	Nữ	TN07	
43	120303	Trần Bảo Trân	2/21/2000	Nữ	TN08	
44	120329	Nguyễn Mai Thảo Nguyên	12/19/2000	Nữ	TN08	
45	120339	Mai Ngọc Thịnh	2/26/2000	Nam	TN08	
46	120355	Nguyễn Thanh Xuân	7/28/2000	Nữ	TN09	
47	120362	Bùi Thị Duyên Thanh	7/1/2000	Nữ	TN09	
48	120363	Nguyễn Bảo Hân	5/3/2000	Nữ	TN09	
49	120513	Trương Thị Bích Vân	6/8/2000	Nữ	TN12	
50	120649	Nguyễn Hà Phương	9/24/2000	Nữ	TN16	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12Q

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120452	Phạm Nguyễn Đăng Duy	10/25/2000	Nam	TN11	
2	120462	Trần Văn Tường	9/11/2000	Nam	TN11	
3	120482	Lê Anh Duy	1/6/2000	Nam	TN12	
4	120523	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	2/10/2000	Nữ	TN13	
5	120586	Nguyễn Ngọc Thiên Thanh	6/21/2000	Nữ	TN14	
6	120606	Lê Thị Diễm Huỳnh	1/1/2000	Nữ	TN15	
7	120622	Trần Thị Nhật Nguyên	4/16/2000	Nữ	TN15	
8	120624	Bùi Trọng Nghĩa	1/1/2000	Nam	TN15	
9	120629	Nguyễn Thành Duy	7/7/2000	Nam	TN15	
10	120631	Huỳnh Ngọc Long	1/25/2000	Nam	TN15	
11	120632	Nguyễn Huỳnh Hải Chương	5/27/2000	Nam	TN15	
12	120633	Vũ Hoàng Duy	11/17/2000	Nam	TN15	
13	120634	Nguyễn Thiên Thảo Nhân	1/1/2000	Nữ	TN15	
14	120637	Đỗ Nguyễn Thế Vũ	5/8/2000	Nam	TN16	
15	120640	Nguyễn Văn Hậu	5/21/2000	Nam	TN16	
16	120644	Nguyễn Huỳnh Thanh Sang	9/27/2000	Nam	TN16	
17	120645	Lê Ngọc Hoàng Châu	2/6/2000	Nam	TN16	
18	120647	Trần Ngọc Thanh Phương	11/10/2000	Nữ	TN16	
19	120648	Phạm Anh Thư	3/30/2000	Nữ	TN16	
20	120653	Bùi Phan Long	8/4/2000	Nam	TN16	
21	120654	Nguyễn Minh Anh	9/2/2000	Nữ	TN16	
22	120655	Lê Thị Ngọc Xuân	11/28/2000	Nữ	TN16	
23	120657	Bùi Lê Nam Quang	12/5/2000	Nam	TN16	
24	120658	Nguyễn Thị Thu Trang	4/23/2000	Nữ	TN16	
25	120660	Nguyễn Lê Tấn Tài	2/11/2000	Nam	TN16	
26	120661	Đặng Thái Sơn	1/1/2000	Nam	TN16	
27	120662	Nguyễn Hoàng Kim Xuyên	8/5/2000	Nữ	TN16	
28	120668	Trần Thị Thuý Vi	9/26/2000	Nữ	TN16	
29	120669	Trần Huy Hào	7/6/2000	Nam	TN16	
30	120671	Trần Thanh Danh	1/1/2000	Nam	TN17	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120674	Mai Thị Kiều Oanh	7/17/2000	Nữ	TN17	
32	120681	Nguyễn Ngọc Ánh	8/26/2000	Nữ	TN17	
33	120682	Nguyễn Thị Thanh Nhân	3/22/2000	Nữ	TN17	
34	120685	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	10/26/2000	Nữ	TN17	
35	120686	Nguyễn Thị Ngọc Trang	12/31/2000	Nữ	TN17	
36	120687	Phạm Kiều My	8/7/2000	Nữ	TN17	
37	120690	Lê Nhật Huy	2/19/2000	Nam	TN17	
38	120691	Trần Thị Trúc Vy	7/26/2000	Nữ	TN17	
39	120698	Lê Trần Tấn Lộc	9/19/2000	Nam	TN17	
40	120700	Lê Ngô Gia Khánh	1/1/2000	Nam	TN17	
41	120702	Đỗ Thị Bảo Yến	3/15/2000	Nữ	TN17	
42	120703	Lý Ngọc Nhi	6/16/2000	Nữ	TN17	
43	120706	Nguyễn Thị Thanh Xuân	3/15/2000	Nữ	TN17	
44	120709	Lý Chi Học	3/22/2000	Nam	TN18	
45	120710	Phạm Bảo Duy Lam	9/7/2000	Nữ	TN18	
46	120711	Trần Hồng Lân	5/13/2000	Nam	TN18	
47	120712	Trần Bạch Tố Uyên	4/8/2000	Nữ	TN18	
48	120713	Nguyễn Thị Trà My	6/22/2000	Nữ	TN18	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12A

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120001	Nguyễn Tấn Thành	11/24/2000	Nam	XH01	
2	120017	Huỳnh Nguyễn Thế Ngọc	8/3/2000	Nam	XH01	
3	120053	Đỗ Trần Ngọc Hoa	7/7/2000	Nữ	XH01	
4	120057	Phạm Nguyễn Thảo Vy	12/23/2000	Nữ	XH01	
5	120058	Lê Thị Yến Nhi	7/1/2000	Nữ	XH01	
6	120085	Hoàng Phương Ngân	3/8/2000	Nữ	XH01	
7	120086	Trương Quốc Dũng	6/17/1999	Nam	XH01	
8	120094	Nguyễn Việt Thắng	4/22/2000	Nam	XH01	
9	120102	Nguyễn Mỹ Thanh Lịch	6/23/2000	Nữ	XH01	
10	120110	Nguyễn Lê Thiên Phúc	7/3/2000	Nam	XH01	
11	120128	Trần Tấn Thuận	2/26/2000	Nam	XH01	
12	120133	Khru Lê Thảo Nguyên	3/6/2000	Nữ	XH02	
13	120155	Đoàn Ngọc Duy	6/29/2000	Nam	XH02	
14	120169	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	7/9/2000	Nữ	XH02	
15	120182	Nguyễn Thị Phương Trang	5/31/2000	Nữ	XH02	
16	120184	Nguyễn Thanh Huyền	5/13/2000	Nữ	XH02	
17	120195	Nguyễn Lê Phương Vy	2/11/2000	Nữ	XH02	
18	120198	Lê Ngọc Châu	6/3/2000	Nữ	XH02	
19	120202	Nguyễn Thị Hoàng Yến	1/31/2000	Nữ	XH02	
20	120205	Trần Nguyễn Phương Uyên	3/10/2000	Nam	XH02	
21	120209	Nguyễn Thị Ngọc Châu	3/22/2000	Nữ	XH02	
22	120224	Lê Thị Trường Giang	10/3/2000	Nữ	XH03	
23	120228	Võ Văn Khôi	9/20/2000	Nam	XH03	
24	120237	Nguyễn Phương Vy	6/5/2000	Nữ	XH03	
25	120241	Nguyễn Hữu Đức Huy	9/15/2000	Nam	XH03	
26	120247	Đặng Thị Mỹ Trinh	7/3/2000	Nữ	XH03	
27	120252	Phan Thị Mỹ Huyền	7/9/2000	Nữ	XH03	
28	120259	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/8/2000	Nữ	XH03	
29	120270	Lê Thị Anh Thư	4/16/2000	Nữ	XH03	
30	120272	Lưu Thị Kim Huệ	4/19/2000	Nữ	XH03	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120293	Phùng Thị Thuỳ Dương	7/21/2000	Nữ	XH03	
32	120307	Đàm Tuyết Vân	10/27/2000	Nữ	XH04	
33	120311	Nguyễn Thị Cẩm Phí	4/30/2000	Nữ	XH04	
34	120314	Nguyễn Hoàng Di Lâm	1/10/2000	Nam	XH04	
35	120337	Trần Nguyệt Quế	11/13/2000	Nữ	XH04	
36	120356	Nguyễn Đăng Khánh Linh	10/18/2000	Nữ	XH04	
37	120360	Phạm Nguyễn Phương Quỳnh	1/15/2000	Nữ	XH04	
38	120372	Trần Thị Bảo Ngọc	10/28/2000	Nữ	XH04	
39	120379	Đào Thanh Hải	12/28/2000	Nam	XH04	
40	120398	Lưu Trần Cơ	11/15/2000	Nữ	XH04	
41	120402	Đặng Mỹ Uyên	12/17/2000	Nữ	XH05	
42	120415	Trần Thanh Xuân	3/26/2000	Nữ	XH05	
43	120425	Đặng Thị Diễm My	10/3/2000	Nữ	XH05	
44	120489	Nguyễn Đồng Phước	7/7/2000	Nam	XH05	
45	120540	Bùi Lê Phương Anh	12/7/2000	Nữ	XH06	
46	120636	Nguyễn Ngọc Giàu	10/2/2000	Nữ	XH06	
47	120659	Nguyễn Hồng Trúc Linh	2/26/2000	Nữ	XH06	
48	120804	Lương Thị Hồng Thuỷ	10/25/1999	Nữ	XH07	
49	120807	Trần Thị Biên Đình	7/17/2000	Nữ	XH07	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12B

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120240	Nguyễn Trương Thiên Bảo	5/15/2000	Nam	XH03	
2	120296	Nguyễn Trần Phương Quỳnh	6/21/2000	Nữ	XH03	
3	120335	Nguyễn Huỳnh Tường Vy	8/16/2000	Nữ	XH04	
4	120344	Hà Thị Thanh Giang	8/8/2000	Nữ	XH04	
5	120383	Trần Tấn Lộc	8/9/2000	Nam	XH04	
6	120389	Đào Xuân Dương	4/1/2000	Nam	XH04	
7	120420	Lê Nguyễn Diễm Thanh	1/1/2000	Nữ	XH05	
8	120427	Phạm Nam Phương	4/28/2000	Nữ	XH05	
9	120431	Phạm Thị Lệ Trinh	3/24/2000	Nữ	XH05	
10	120440	Trần Minh Hiếu	12/16/2000	Nam	XH05	
11	120464	Huỳnh Quốc Cường	1/3/2000	Nam	XH05	
12	120467	Vũ Như Ngọc	1/1/2000	Nữ	XH05	
13	120470	Trần Lê Bảo Vy	6/22/2000	Nữ	XH05	
14	120476	Lâm Mỹ Quyên	11/13/2000	Nữ	XH05	
15	120485	Nguyễn Thị Bích Hợp	2/1/2000	Nữ	XH05	
16	120492	Đỗ Thị Sơn Hương	4/15/2000	Nữ	XH05	
17	120502	Bùi Tấn Phước	9/12/2000	Nam	XH05	
18	120504	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	1/3/2000	Nữ	XH05	
19	120511	Phạm Lê Trúc Linh	3/31/2000	Nữ	XH05	
20	120516	Phan Võ Thuý Vy	10/14/2000	Nữ	XH05	
21	120518	Nguyễn Thái Tường Vy	2/1/2000	Nữ	XH05	
22	120537	Nguyễn Như Ý	10/30/2000	Nữ	XH05	
23	120541	Bùi Thị Thu Hà	9/16/2000	Nữ	XH06	
24	120543	Tô Thị Phương Nhung	11/16/2000	Nữ	XH06	
25	120544	Nguyễn Thụy Phương Vy	7/19/2000	Nữ	XH06	
26	120553	Nguyễn Phương Nhi	10/26/2000	Nữ	XH06	
27	120558	Phạm Thị Vân Tuyền	5/23/2000	Nữ	XH06	
28	120560	Trần Thị Vĩnh Tiên	9/23/2000	Nữ	XH06	
29	120561	Nguyễn Huỳnh Đan	9/2/2000	Nữ	XH06	
30	120563	Trần Lê Phương Uyên	4/16/2000	Nữ	XH06	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120564	Ngô Trang Thuý Vy	3/6/2000	Nữ	XH06	
32	120565	Lê Hữu Tài	10/27/2000	Nam	XH06	
33	120569	Trần Lê Ngọc Hân	1/6/2000	Nữ	XH06	
34	120572	Lưu Ngọc Tường Vy	11/16/2000	Nữ	XH06	
35	120590	Hứa Thị Tuyết Linh	1/4/2000	Nữ	XH06	
36	120599	Lê Thị Hoàng Anh	12/31/2000	Nữ	XH06	
37	120605	Diệp Phương Anh	2/4/2000	Nữ	XH06	
38	120607	Phan Ngọc Hân	10/24/2000	Nữ	XH06	
39	120608	Lê Đoàn Hoàng Châu	3/1/2000	Nữ	XH06	
40	120609	Nguyễn Gia Hân	2/28/2000	Nữ	XH06	
41	120614	Nguyễn Hồng Ngọc	7/14/2000	Nữ	XH06	
42	120650	Phạm Thị Hoàng Châu	7/18/2000	Nữ	XH06	
43	120663	Phạm Nguyễn Kim Nga	8/2/2000	Nữ	XH07	
44	120670	Trần Thị Tuyết Ngân	7/28/2000	Nữ	XH07	
45	120672	Trương Thị Mỹ Loan	1/12/2000	Nữ	XH07	
46	120680	Huỳnh Ngọc Minh Châu	12/11/2000	Nữ	XH07	
47	120684	Đặng Ngọc Bách	10/3/2000	Nam	XH07	
48	120705	Trần Kiều Phương Anh	6/21/2000	Nữ	XH07	
49	120707	Lê Hồng Ngọc	4/6/2000	Nữ	XH07	
50	120806	Trần Mỹ Linh	12/12/2000	Nữ	XH07	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 12C

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120032	Phạm Hoàng Phi	10/10/2000	Nam	XH01	
2	120074	Võ Mai Thanh Nhân	8/7/2000	Nữ	XH01	
3	120075	Nguyễn Thuý Hiền	1/29/2000	Nữ	XH01	
4	120084	Phạm Duy Minh	4/2/2000	Nam	XH01	
5	120089	Bùi Đình Duy Khang	6/21/2000	Nam	XH01	
6	120118	Mai Thị Xuân Trang	11/30/2000	Nữ	XH01	
7	120119	Hồ Phúc Nguyên Nhung	10/18/2000	Nữ	XH01	
8	120123	Nguyễn Thanh Bình	8/5/2000	Nam	XH01	
9	120137	Bùi Trần Yến Quỳnh	2/10/2000	Nữ	XH02	
10	120143	Võ Thị Anh Thư	3/29/2000	Nữ	XH02	
11	120145	Huỳnh Văn Hiền	7/21/2000	Nam	XH02	
12	120157	Trương Đăng Quang	11/15/2000	Nam	XH02	
13	120170	Nguyễn Thị Châm	2/24/2000	Nữ	XH02	
14	120183	Bùi Thị Tường Vy	1/13/2000	Nữ	XH02	
15	120196	Hà Quỳnh Vy	4/15/2000	Nữ	XH02	
16	120199	Phan Đăng Bảo Hân	3/21/2000	Nữ	XH02	
17	120201	Nguyễn Thanh Thảo My	1/13/2000	Nữ	XH02	
18	120203	Nguyễn Thị Hoàng Yến	10/18/2000	Nữ	XH02	
19	120206	Nguyễn Thị Thuý Trang	5/30/2000	Nữ	XH02	
20	120213	Lê Gia Quốc Thống	10/29/2000	Nam	XH02	
21	120218	Vương Việt Nghĩa	5/5/2000	Nam	XH02	
22	120219	Đào Thụy Khánh Xuân	10/2/2000	Nữ	XH02	
23	120231	Võ Ngọc Như Quỳnh	11/19/2000	Nữ	XH03	
24	120235	Đào Lê Tú Anh	2/27/2000	Nữ	XH03	
25	120244	Trịnh Nguyễn Hương Kiều	9/7/2000	Nữ	XH03	
26	120248	Nguyễn Thị Anh Thư	9/19/2000	Nữ	XH03	
27	120254	Lê Quỳnh Anh	3/1/2000	Nữ	XH03	
28	120261	Trần Võ Hồng Thảo	6/7/2000	Nữ	XH03	
29	120269	Nguyễn Vũ Minh Thành	7/25/2000	Nam	XH03	
30	120273	Đinh Thị Phương Linh	6/8/2000	Nữ	XH03	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120284	Trần Minh Châu	6/3/2000	Nữ	XH03	
32	120297	Nguyễn Lê Phương Trinh	2/29/2000	Nữ	XH03	
33	120302	Lưu Như Quỳnh	4/21/2000	Nữ	XH03	
34	120308	Trần Phương Linh	1/26/2000	Nam	XH04	
35	120309	Huỳnh Ninh Dương	2/27/1999	Nam	XH04	
36	120334	Hồ Trần Thanh Thảo	1/8/2000	Nữ	XH04	
37	120341	Dương Thị Mỹ Duyên	12/17/2000	Nữ	XH04	
38	120346	Đặng Lê Hồng Ngọc	7/4/2000	Nữ	XH04	
39	120350	Hồ Thị Quỳnh Như	2/22/2000	Nữ	XH04	
40	120358	Đỗ Thụy Minh Hiếu	2/28/2000	Nữ	XH04	
41	120373	Lê Ngọc Thanh Tâm	3/31/2000	Nữ	XH04	
42	120391	Chế Thị Cẩm Hồng	10/11/2000	Nữ	XH04	
43	120395	Hoàng Ngọc Tú Uyên	5/30/2000	Nữ	XH04	
44	120400	Cao Thị Phương Thanh	7/7/2000	Nữ	XH05	
45	120409	Dương Bích Ngọc	10/26/2000	Nữ	XH05	
46	120449	Dương Ngọc Doanh	11/19/2000	Nữ	XH05	
47	120677	Lê Mộng Điệp Thủy Tiên	1/25/2000	Nữ	XH07	
48	120697	Nguyễn Thị Thảo Viên	5/4/2000	Nữ	XH07	
49	120802	Lê Hoàng Long	11/24/2000	Nam	XH07	
50	120808	Phan Thị Vũ Loan	5/8/2000	Nữ	XH07	

THI THỬ THPT QUỐC GIA 2018

Năm học: 2017-2018

DANH SÁCH THÍ SINH

Lớp 12N

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
1	120010	Văn Lê Công Huy	6/29/2000	Nam	XH01	
2	120012	Nguyễn Thanh Long	8/2/2000	Nam	XH01	
3	120015	Bùi Quang Nhân	7/16/2000	Nam	XH01	
4	120025	Lý Tuyết Nhi	7/19/2000	Nữ	XH01	
5	120028	Nguyễn Trần Tú Anh	10/11/2000	Nữ	XH01	
6	120045	Trần Hoàng Phi Thông	1/1/2000	Nam	XH01	
7	120052	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	4/7/2000	Nữ	XH01	
8	120064	Phạm Hồng Sơn	4/9/2000	Nam	XH01	
9	120088	Nguyễn Lê Nhã Uyên	1/1/2000	Nữ	XH01	
10	120106	Nguyễn Thị Hiệp	5/8/1998	Nữ	XH01	
11	120132	Nguyễn Hoài Bảo	12/9/2000	Nam	XH01	
12	120142	Phan Ngọc Lan Anh	11/28/2000	Nữ	XH02	
13	120148	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	10/6/2000	Nữ	XH02	
14	120162	Nguyễn Phạm Hữu Tiến	2/24/2000	Nam	XH02	
15	120177	Nguyễn Ngọc Trinh	8/1/2000	Nữ	XH02	
16	120191	Đoàn Thị Thanh Thuý	1/21/2000	Nữ	XH02	
17	120204	Huỳnh Thị Lan Chi	12/15/2000	Nữ	XH02	
18	120223	Lý Ngọc Thư	1/1/2000	Nữ	XH03	
19	120250	Nguyễn Thoại Ngân	6/2/2000	Nữ	XH03	
20	120277	Đặng Trần Khánh Duy	8/19/2000	Nam	XH03	
21	120295	Nguyễn Thanh Hà	1/1/2000	Nữ	XH03	
22	120299	Đặng Hồ Thiên Phúc	6/18/2000	Nữ	XH03	
23	120305	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/22/2000	Nữ	XH03	
24	120306	Phạm Hoàng Thanh Phong	5/23/2000	Nam	XH03	
25	120317	Lê Triệu Vy	10/13/2000	Nữ	XH04	
26	120332	Nguyễn Tấn Tài	9/23/2000	Nam	XH04	
27	120333	Đỗ Thị Tuyết Nhi	8/2/2000	Nữ	XH04	
28	120338	Trương Hoàng Tân	9/2/2000	Nam	XH04	
29	120352	Nguyễn Phước Hồng Hân	4/6/2000	Nữ	XH04	
30	120365	Đỗ Ngọc Thanh Hằng	3/1/2000	Nữ	XH04	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng thi	Ghi chú
31	120392	Trần Khương Vy	11/4/2000	Nữ	XH04	
32	120416	Phạm Duy Khang	2/14/2000	Nam	XH05	
33	120417	Phùng Bảo Trân	1/1/2000	Nữ	XH05	
34	120426	Nguyễn Thị Thu Thủy	1/1/2000	Nữ	XH05	
35	120456	Võ Nguyễn Hoài An	1/1/2000	Nam	XH05	
36	120463	Nguyễn Thị Kim Trúc	1/1/2000	Nam	XH05	
37	120499	Huỳnh Tấn Phát	2/13/2000	Nam	XH05	
38	120503	Lê Nguyễn Khương Duy	11/4/2000	Nam	XH05	
39	120562	Đặng Đồng Giao	4/11/2000	Nữ	XH06	
40	120581	Nguyễn Văn Cường	9/2/2000	Nam	XH06	
41	120582	Đặng Hoàng Thư	3/20/2000	Nữ	XH06	
42	120592	Phạm Bích Phương	1/1/2000	Nam	XH06	
43	120600	Nguyễn Thị Phương Anh	3/14/2000	Nữ	XH06	
44	120613	Nguyễn Đình Bảo Long	9/6/2000	Nam	XH06	
45	120627	Huỳnh Lê Như Quỳnh	9/11/2000	Nữ	XH06	